LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển, nhất định phải có phương án kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế. Sự phát triển của doanh nghiệp góp phần đảm bảo cho nền kinh tế phồn vinh, thịnh vượng. Nền kinh tế thị trường của nước ta trong những năm qua đã đạt được những bước tiến vững mạnh và ngày càng có nhiều doanh nghiệp thích ứng với các quy luật của nền kinh tế thị trường, làm ăn mang lại lợi nhuận cao. Có được những kết quả đó là nhờ sự nỗ lực không ngừng của của mỗi doanh nghiệp ở tất cả các khâu từ khâu sản xuất, lưu thông, phân phối đến tiêu thụ. Trong đó không thể không kể đến công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Nó góp phần phản ánh và cung cấp chính xác và kịp thời những thông tin cho cấp lãnh đạo của doanh nghiệp để có căn cứ đưa ra các quyết định, chính sách và biện pháp phù hợp để tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đạt hiệu quả cáo hơn. Và Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng cũng không nằm ngoài quy luật đó.

Nhận thức về vấn đề trên trong thời gian thực tập tại Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng em đã lựa chọn đề tài: "Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng" để viết khóa luận của mình.

Kết cấu khóa luận gồm ba phần:

Chương 1: ***Những vấn đề lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.***

Chương 2: ***Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng.***

Chương 3: ***Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng.***

CHƯƠNG I:
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1.1. Quá trình bán hàng, kết quả bán hàng

Hoạt động sản xuất của con người là hoạt động tự giác có ý thức và có mục đích, được lặp đi lặp lại và không ngừng được đổi mới, hình thành quá trình tái sản xuất xã hội, gồm các giai đoạn: Sản xuất – Lưu thông – Phân phối – Tiêu dùng. Các giai đoạn này diễn ra một cách tuần tự và tiêu thụ là khâu cuối cùng quyết định đến sự thành công hay thất bại của một doanh nghiệp.

Sản phẩm của doanh nghiệp sau khi được sản xuất xong thì vấn đề hàng đầu mà tất cả các doanh nghiệp quan tâm tới là vấn đề tiêu thụ. Tiêu thụ hay bán hàng là quá trình chuyển hóa vốn từ hình thái hiện vật sang hình thái giá trị tiền tệ và hình thành kết quả bán hàng. Hoặc nói một cách khác bán hàng là việc chuyển quyền sở hữu sản phẩm hàng hóa gắn với phần lợi ích hoặc rủi ro cho khách hàng, đồng thời được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

Mối quan hệ trao đổi giữa doanh nghiệp với người mua là quan hệ thuận mua vừa bán. Doanh nghiệp với tư cách là người bán phải chuyển giao sản phẩm cho người mua theo đúng các điều khoản quy định trong hợp đồng kinh tế đã ký giữa hai bên. Quá trình bán hàng được coi là kết thúc khi đã hoàn tất việc giao hàng và bên mua đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán cho số sản phẩm hàng hóa đó. Khi quá trình bán hàng chấm dứt doanh nghiệp sẽ có một khoản doanh thu về tiêu thụ sản phẩm, vật tư hàng hóa hay còn gọi là doanh thu bán hàng.

Như chúng ta đã biết hoạt động bán hàng chỉ là cơ sở để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, thông qua hoạt động bán hàng doanh nghiệp có

thể biết được lợi nhuận cao hay thấp? Từ đó sẽ biết được tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình như thế nào để có phương hướng quản lý tốt hơn.

1.1.1.2. Yêu cầu quản lý quá trình bán hàng và kết quả kinh doanh

Quản lý quá trình bán hàng và kết quả kinh doanh là một yêu cầu thực tế, nó xuất phát từ mục tiêu của doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp quản lý tốt khâu bán hàng thì mới đảm bảo được chỉ tiêu hoàn thành kế hoạch tiêu thụ và đánh giá chính xác hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đó. Do vậy vấn đề đặt ra cho mỗi doanh nghiệp là:

+ Quản lý kế hoạch và tình hình thực hiện kế hoạch tiêu thụ đối với từng thời kỳ, từng khách hàng, từng hoạt động kinh tế.

+ Quản lý chất lượng, cải tiến mẫu mã và xây dựng thương hiệu sản phẩm là mục tiêu cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

+ Quản lý theo dõi từng phương thức bán hàng, từng khách hàng, tình hình thanh toán của khách hàng, yêu cầu thanh toán đúng hình thức, đúng hạn để tránh hiện tượng mất mát, thất thoát, ứ đọng vốn. Doanh nghiệp phải lựa chọn hình thức tiêu thụ sản phẩm đối với từng đơn vị, từng thị trường, từng khách hàng nhằm thúc đẩy nhanh quá trình tiêu thụ đồng thời phải tiến hành thăm dò, nghiên cứu thị trường, mở rộng quan hệ buôn bán trong và ngoài nước.

+ Quản lý chặt chẽ vốn của thành phẩm đem tiêu thụ, giám sát chặt chẽ các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các số liệu, đồng thời phân bổ cho hàng tiêu thụ, đảm bảo cho việc xác định tiêu thụ được chính xác hợp lý.

+ Đối với việc hạch toán tiêu thụ phải tổ chức chặt chẽ, khoa học đảm bảo việc xác định kết quả cuối cùng của quá trình tiêu thụ, phản ánh và giám đốc tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước đầy đủ, kịp thời.

1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo cho doanh

nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng, là nguồn giúp các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước, là nguồn để tham gia góp các cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác.

- Vai trò quan trọng nhất của doanh thu được thể hiện thông qua quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ…Nó có vai trò quan trọng không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn với toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

- Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

- Kế toán xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung trong việc xác định lượng hàng hóa tiêu thụ thực tế và chi phí tiêu thụ thực tế trong kỳ nói riêng của doanh nghiệp. Xác định đúng kết quả giúp doanh nghiệp biết được tình hình sản xuất kinh doanh của mình, biết được xu thế phát triển để từ đó doanh nghiệp đưa ra được những chiến lược cụ thể trong chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo.Việc xác dịnh này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận của doanh nghiệp.

1.1.3. Nhiệm vụ, yêu cầu của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Cần theo dõi phản ánh đầy đủ kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động từng loại thành phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại.

- Phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời các khoản doanh thu của hoạt động, đồng thời theo dõi đôn đốc thu hồi các khoản nợ phải thu.

- Tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước và tình hình phân phối kết quả hoạt động kinh doanh.

- Cung cấp thông tin phục vụ cho việc lập báo cáo theo quy định của pháp luật.

1.2. Một số khái niệm thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh.

1.2.1. Doanh thu và các loại doanh thu

- Doanh thu: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

a. Các loại doanh thu:

- Doanh thu bán hàng: phản ánh doanh thu bán hàng của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong mỗi kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ: là doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán của doanh nghiệp.

- Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Phản ánh doanh thu của số sản phẩm tiêu thụ, dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán tiêu thụ, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá nội bộ.

- Doanh thu tài chính bao gồm: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán.

- Thu nhập khác: phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

b. Các khoản giảm trừ doanh thu:

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, giá trị hàng bán bị trả lại, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế xuất khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Chiết khấu thương mại: là số tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho khách hàng do việc khách hàng đã mua hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng hóa.

- Giảm giá hàng bán: là số tiền giảm trừ cho người mua trên giá bán đã

thỏa thuận do các nguyên nhân đặc biệt thuộc về người bán như hàng kém phẩm chất, hàng không đúng quy cách, hàng xấu, hàng giao không đúng thời hạn theo quy định trong hợp đồng kinh tế hoặc ưu đãi đối với những khách hàng mua sản phẩm của doanh nghiệp.

- Hàng bán bị trả lại: là số tiền mà doanh nghiệp phải trả lại cho khách hàng vì số hàng đã được coi là tiêu thụ nhưng người mua trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: tiêu thụ kém chất lượng, sai quy cách, chủng loại,…

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là số tiền thuế doanh nghiệp phải nộp tính trên tỷ lệ % doanh thu bán hàng của tiêu thụ, dịch vụ thuộc diện chịu thuế kinh doanh.

- Thuế xuất khẩu: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp tính trên tỷ lệ % doanh thu bán hàng của tiêu thụ, dịch vụ thuộc diện chịu thuế kinh doanh.

- Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: là thuế tính trên giá trị tăng thêm của tiêu thụ, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2. Chi phí và các loại chi phí:

Chi phí của doanh nghiệp là toàn bộ các khoản chi phí cho hoạt động kinh doanh cho các hoạt động khác và các khoản thuế gián thu mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Chi phí của doanh nghiệp bao gồm:

- Giá vốn hàng bán: Phản ánh giá trị gốc của hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ, lao vụ đã thực sự tiêu thụ trong kỳ. Khi hàng hóa đã tiêu thụ và được phép xác định doanh thu thì đồng thời giá trị hàng giá trị hàng xuất kho cũng được phản ánh theo giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh.

- Chi phí bán hàng: Chi phí bán hàng là những khoản chi phí phát sinh

liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá dịch vụ, lao vụ trong thời kỳ theo quy định của chế độ tài chính.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp.

- Chi phí tài chính: là những chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính doanh nghiệp.

- Chi phí khác: Là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh:

Là kết quả tài chính cuối cùng của doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động tài chính là chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

1.3. Bán hàng và các phương pháp bán hàng trong doanh nghiệp.

Công tác tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa trong doanh nghiệp có thể được tiến hành theo những phương thức sau:

- *Phương thức bán buôn*: Bán buôn là bán sản phẩm của doanh nghiệp cho các doanh nghiệp khác, các cửa hàng, đại lý,… với số lượng lớn, để các đơn vị đó tiếp tục bán bán cho các tổ chức khác hay phục vụ cho việc khác nhằm đáp ứng nhu cầu kinh tế. Có hai phương thức bán buôn:

+ Bán buôn qua kho

+ Bán buôn không qua kho

- *Phương thức bán lẻ*: Bán lẻ là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cá nhân và bộ phận nhu cầu kinh tế tập thể. Số lần tiêu thụ của mỗi lần bán hàng thường nhỏ, có nhiều phương thức bán lẻ:

+ Phương thức bán hàng đại lý (Ký gửi): là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

+ Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp: là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi nhất định. Về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì hàng được coi là tiêu thụ (về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua trả hết tiền).

+ Các phương thức bán hàng khác.

Về nguyên tắc, kế toán sẽ ghi nhận nghiệp vụ tiêu thụ vào sổ sách kế toán khi nào doanh nghiệp không còn quyền sở hữu về sản phẩm hàng hóa nhưng bù lại được quyền sở hữu về tiền do khách hàng thanh toán hoặc được quyền đòi tiền.

1.4. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.4.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ.

1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- *Doanh thu bán hàng*: phản ánh doanh thu bán hàng của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong mỗi kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam chuẩn mực số 14 ban hành và công công bố theo quyết định số 149/QĐ – BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng BTC:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn cả năm (5) điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

+ Doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- *Doanh thu cung cấp dịch vụ*: là doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán của doanh nghiệp.

Theo chuẩn mực số 14 của Bộ tài chính, kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn cả bốn (4) điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

+ Xác định được phần việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- **<u>Nguyên tắc kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</u>**

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán.

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu thì doanh thu là tổng giá thanh toán.

- Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ cần phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

➢ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng (mẫu 01-GTKT-3LL)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (mẫu 02-GTTT-3LL)
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (mẫu 01-BH)
- Thẻ quầy hàng (mẫu 02-BH)
- Các chứng từ thanh toán (phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng,…)
- Các chứng từ kế toán liên quan khác: phiếu xuất kho,…

➢ ***Tài khoản sử dụng:***

❖ **Tài khoản 511: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ.

Kết cấu TK 511:

Bên nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Các khoản ghi giảm doanh thu bán hàng (giảm giá hàng bán, doanh thu hàng bán bị trả lại và chiết khấu thương mại).
- Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần vào tài khoản 911 " Xác định kết quả kinh doanh".

Bên có: Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 511 doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 5 tài khoản cấp 2**:**

TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa

TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ giá, trợ cấp

TK 5118: Doanh thu khác

❖ **Tài khoản 512: doanh thu bán hàng nội bộ**

Tài khoản này dùng để phán ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh nghiệp tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty. Tổng cộng tính theo giá nội bộ. Tài khoản này có kết cấu tương đối giống tài khoản 511.

➢ Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

a. Phương thức tiêu thụ trực tiếp: là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua hàng tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ.

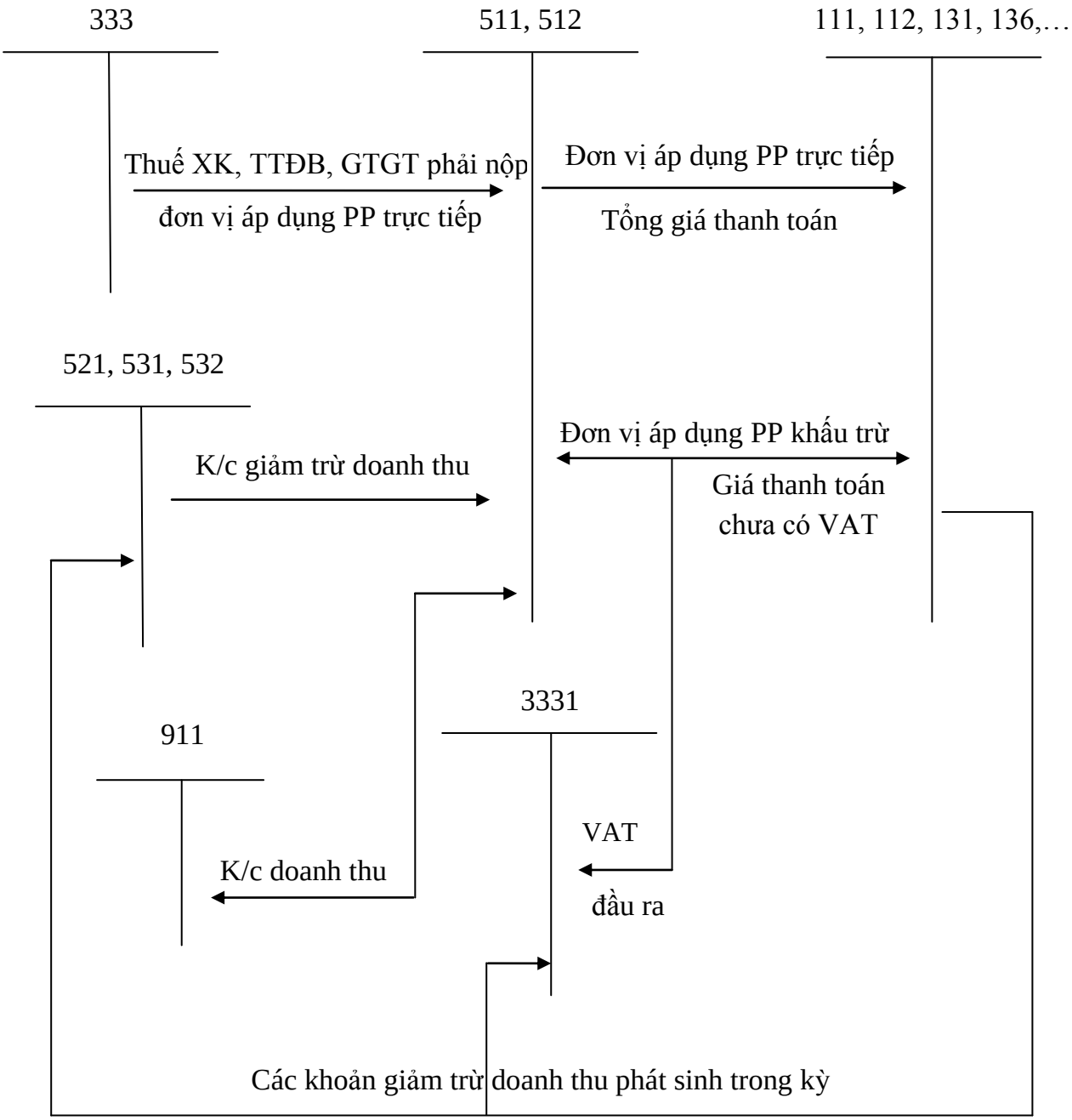

Sơ đồ 1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

b. Phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng: là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

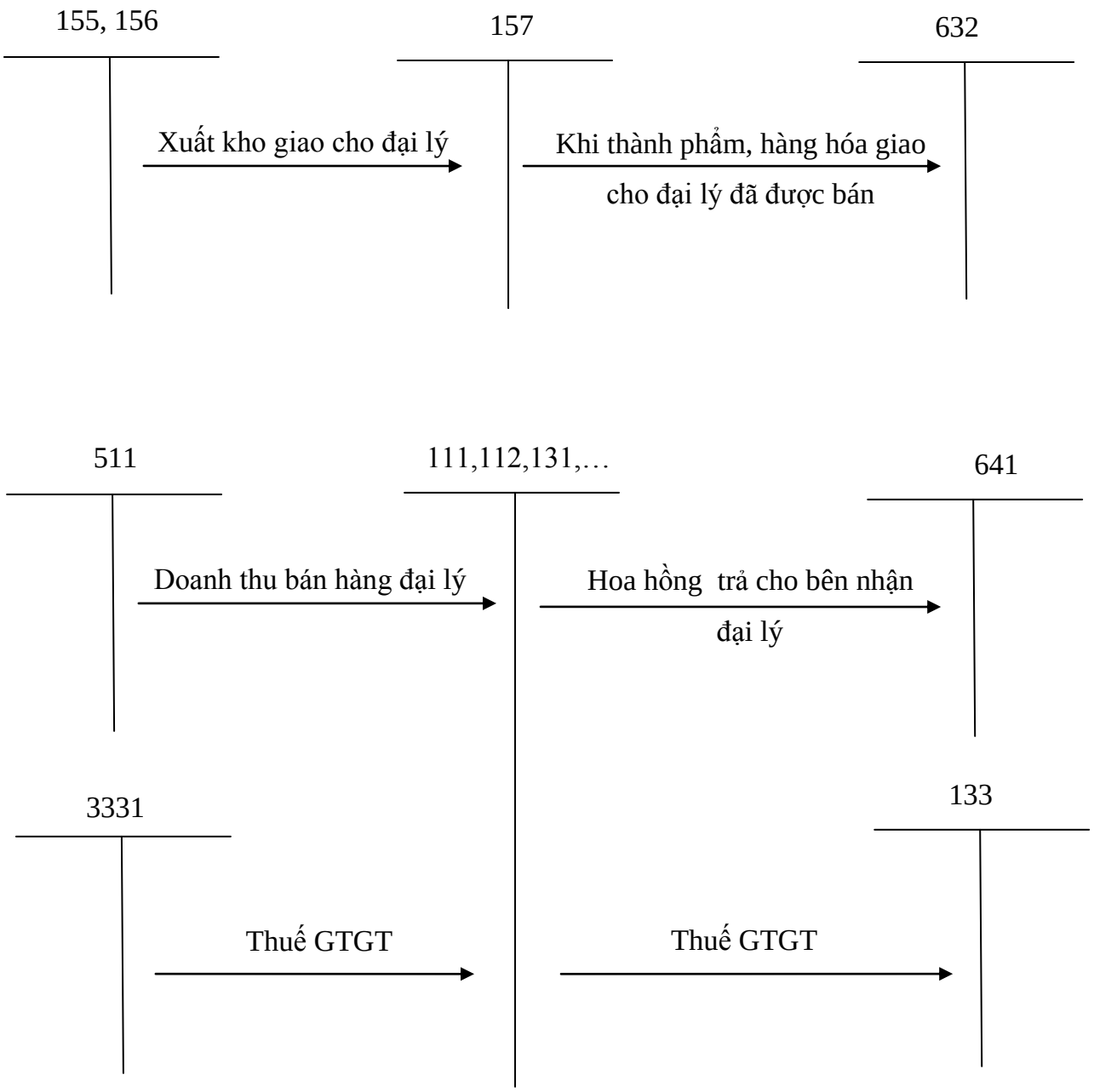

Sơ đồ 2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý.

(Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)

c. Phương thức trả chậm, trả góp: là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi nhất định. Về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì hàng được coi là tiêu thụ (về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua trả hết tiền).

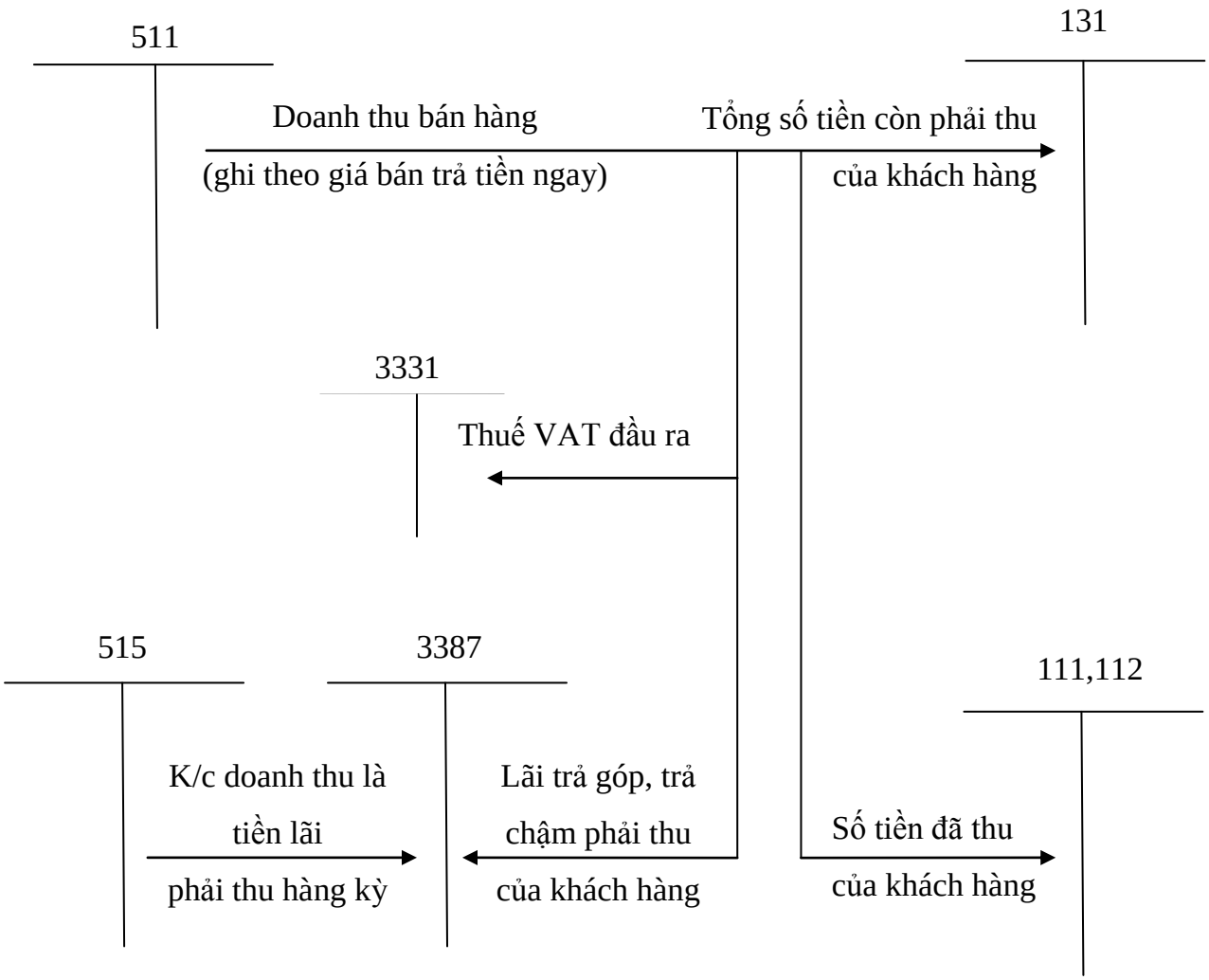

Sơ đồ 3. Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp.

1.4.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:

Các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu hàng bán đã bị trả lại, thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp trực tiếp và thuế xuất khẩu. Các khoản giảm trừ doanh thu là cơ sở để tính doanh thu thuần và kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán. Các khoản giảm trừ doanh thu phải được phản ánh, theo dõi chi tiết, riêng biệt trên những tài khoản kế toán phù hợp, nhằm cung cấp các thông tin kế toán để lập báo cáo tài chính. Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết

khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua, bán hàng.

- Trị giá hàng bán bị trả lại: là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ, đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém chất lượng, sai quy cách, chủng loại,…

- Giảm giá hàng bán: là khoản tiền doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt vì lí do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn,… đã ghi trong hợp đồng.

- Thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp trực tiếp mới được coi là một khoản giảm trừ doanh thu.

Số thuế GTGT phải nộp = Giá trị gia tăng của hàng hóa dịch vụ x Thuế suất thuế GTGT (%)

- Thuế tiêu thụ đặc biệt được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất, cần hạn chế mức tiêu thụ vì không phục vụ thiết thực cho đời sống nhân dân như: rượu, bia, thuốc lá, vàng mã, lá bài,…

- Thuế xuất khẩu: là một loại thuế đánh vào tất cả các hàng hóa, dịch vụ mua trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

➢ ***Chứng từ kế toán sử dụng***

Để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu cần sử dụng các chứng từ sau: Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại, phiếu thu, phiếu chi, hóa đơn giá trị gia tăng, và các chứng từ khác có liên quan,…

➢ ***Tài khoản sử dụng:***

- Tài khoản 521: Chiết khấu thương mại
- Tài khoản 531: Hàng bán bị trả lại
- Tài khoản 532: Giảm giá hàng bán
- Tài khoản 3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt
- Tài khoản 3333: Thuế xuất khẩu phải nộp
- Tài khoản 3331: Thuế giá trị gia tăng đầu ra

- Kết cấu các TK 521, 531, 532

Bên nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

- Trị giá của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán ra.

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định của hợp đồng kinh tế.

Bên có:

Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, doanh thu của hàng bán bị trả lại, số tiền giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ sang TK 511 để xác định kết quả kinh doanh.

- Kết cấu các TK 3331, 3332, 3333

Bên nợ: Số tiền mà các loại thuế đã nộp.

Bên có: Cuối kỳ kết chuyển các loại thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp sang tài khoản 511 để xác định kết quả kinh doanh.

➢ Phương pháp hạch toán:

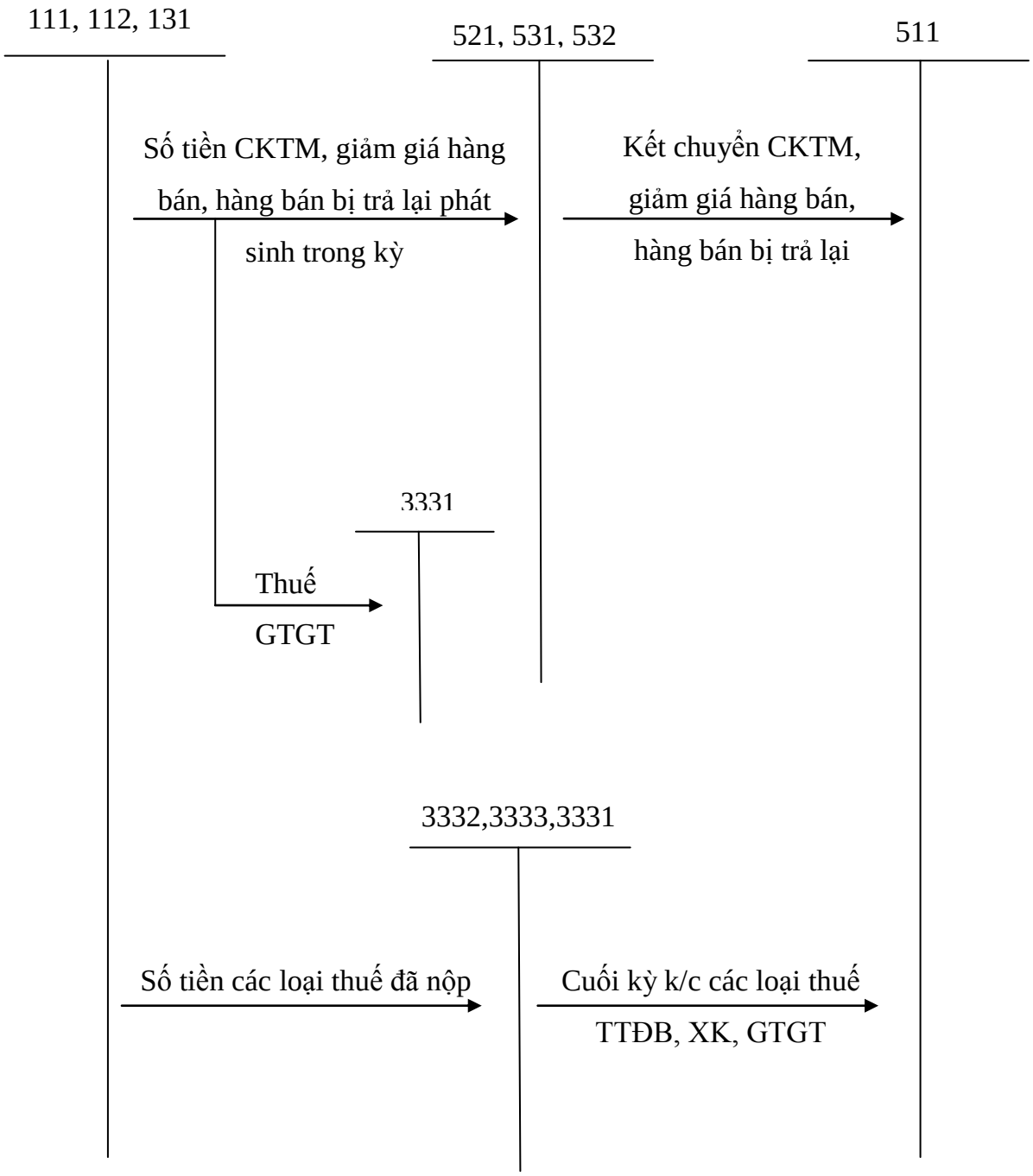

Sơ đồ 4: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

1.4.2. Kế toán các khoản chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh

1.4.2.1. Kế toán giá vốn bán hàng

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị gốc của hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ, lao vụ đã thực sự tiêu thụ trong kỳ. Khi hàng hóa đã tiêu thụ và được phép xác định doanh thu thì đồng thời giá trị hàng giá trị hàng xuất kho cũng được phản ánh theo giá vốn hàng bán để xác định kết qủa kinh doanh.

❖ ***<u>Các phương pháp xác định giá vốn hàng hóa xuất bán:</u>***

a. Phương pháp thực tế đích danh:

Phương pháp tính theo giá thực tế đích danh là xác định giá xuất kho từng loại nguyên liệu, vật liệu theo giá thực tế của từng lần nhập, từng nguồn nhập cụ thể. Phương pháp này thường được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng, các mặt hàng có giá trị lớn hoặc mặt hàng ổn định.

b. Phương pháp bình quân gia quyền:

Theo phương pháp này, giá thực tế của hàng xuất kho trong kỳ được tính theo công thức:

Giá thực tế hàng xuất kho = Số lượng hàng hóa xuất kho * Giá đơn vị bình quân

Khi sử dụng phương pháp bình quân gia quyền , có thể sử dụng dưới 2 phương pháp:

- Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ: giá được xác định sau khi kết thúc kỳ hạch toán nên có thể ảnh hưởng đến công tác quyết toán.

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng thực tế tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}$$

- Giá đơn vị bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập(bình quân liên hoàn): phương pháp này đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế toán, phản ánh được tình hình biến động của giá cả. Tuy nhiên khối lượng tính toán sẽ lớn bởi sau mỗi lần nhập kho kế toán lại phải tiến hành tính toán.

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập j} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau lần nhập j}}{\text{Số lượng hàng tồn kho sau lần nhập j}}$$

c. Phương pháp nhập trước – xuất trước

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất ở gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này, số hàng nào nhập trước sẽ xuất trước, xuất hết số hàng nhập trước thì mới

xuất số nhập sau theo giá trị thực tế số hàng xuất.

d. Phương pháp nhập sau - xuất trước

Phương pháp này giả định những hàng mua sau cùng sẽ được xuất trước tiên, xuất hết số hàng sau mới xuất tiếp số hàng nhập trước đó. Khi lấy hàng xuất kho kế toán lấy từ dưới trở lên theo trình tự thời gian kể từ ngay xuất kho. Phương pháp này ngược lại với phương pháp nhập trước – xuất trước.

- ***Chứng từ sử dụng:*** Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho, Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, Hóa đơn bán hàng, và các chứng từ khác có liên quan,…
- ***Tài khoản sử dụng:***

TK 632: giá vốn hàng bán.

Kết cấu TK 632:

Bên nợ:

- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, phản ánh:

+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ

+Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, vượt trên mức bình thường được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ

+ Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi đã trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

+ Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Bên có:

- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).

- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 "Xác định kết qủa kinh doanh"

TK 632 không có số dư cuối kỳ.

➢ Phương pháp hạch toán:

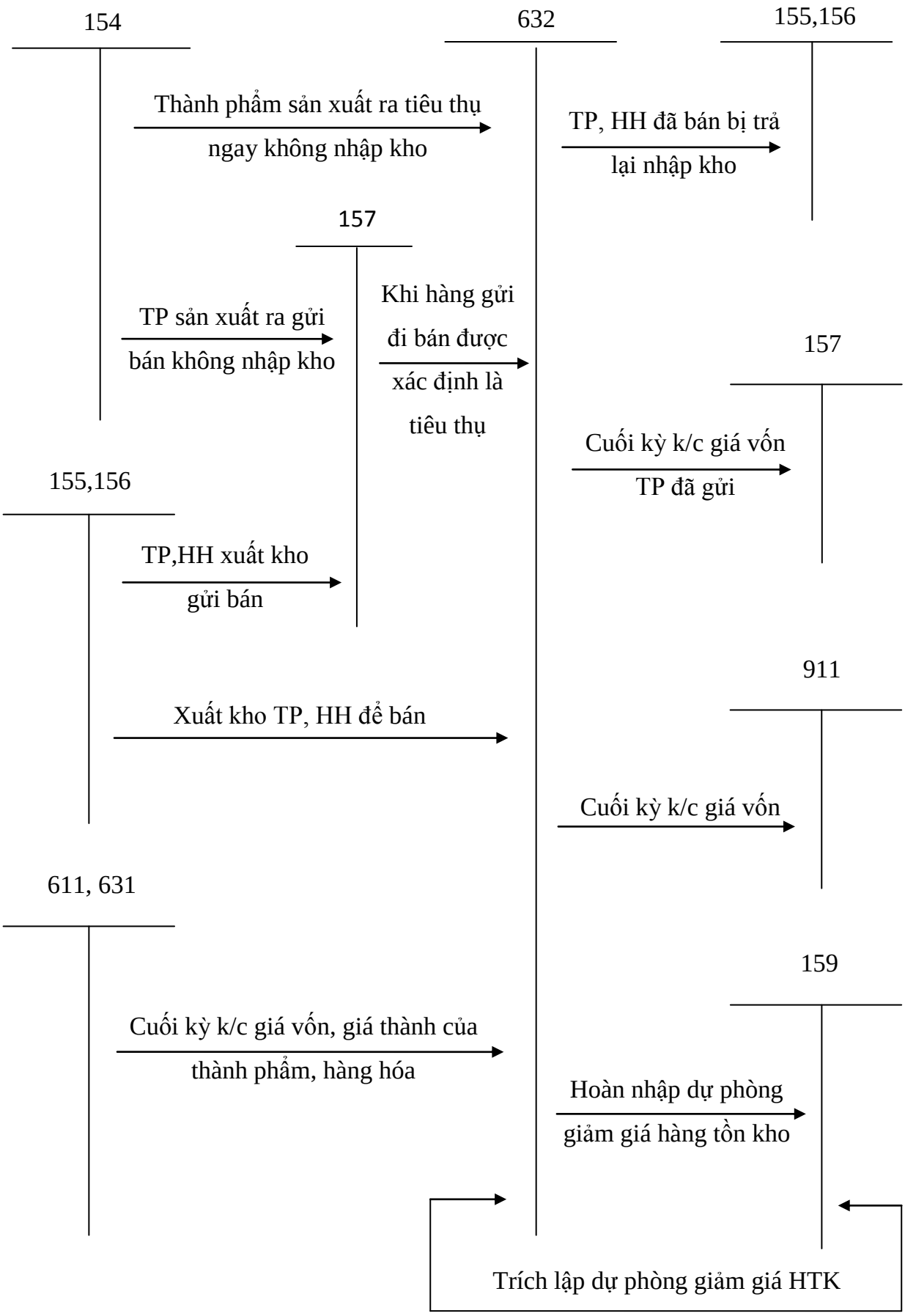

Sơ đồ 5: Kế toán giá vốn hàng bán

1.4.2.2. Kế toán chi phí bán hàng.

Chi phí bán hàng là những khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá dịch vụ, lao vụ trong thời kỳ theo quy định của chế độ tài chính. Chi phí bán hàng bao gồm:

+ Chi phí nhân viên bán hàng: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho nhân viên bán hàng và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN trên tiền lương nhân viên bán hàng theo tỷ lệ quy định.

+ Chi phí vật liệu bao bì

+ Chi phí dụng cụ, đồ dùng: là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường, tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

+ Chi phí khấu hao TSCĐ: là chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm hàng hóa và cung cấp dịch vụ như nhà kho, cửa hàng, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ.

+ Chi phí bảo hành sản phẩm: là khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định bảo hành.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: là khoản chi phí mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc dỡ vận chuyển, tiền hoa hồng, đại lý.

+ Chi phí bằng tiền khác: là khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí trả trên: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm hàng hóa.

➢ ***Chứng từ kế toán:*** Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội, Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định, Bảng phân bổ nguyên vật liệu – công cụ dụng cụ, Hóa đơn giá trị gia tăng, Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng,…

➢ ***Tài khoản sử dụng***

Tài khoản 641: Chi phí bán hàng

Kết cấu TK 641:

Bên nợ: Phản ánh chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Bên có: Kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

TK 641 được mở chi tiết:

TK 6411: Chi phí nhân viên bán hàng

TK 6412: Chi phí vật liệu bao bì

TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng

TK 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định

TK 6415: Chi phí bảo hành

TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

1.4.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

+ Chi phí nhân viên quản lý: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.

+ Chi phí vật liệu quản lý: là trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp.

+ Chi phí đồ dùng văn phòng: chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của doanh nghiệp.

+ Chi phí khấu hao TSCĐ: là chi phí khấu hao của những TSCĐ dùng chung trong doanh nghiệp như: văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn,…

+ Thuế, phí, lệ phí: thuế nhà đất, thuế môn bài,… và các khoản phí, lệ phí như giao thông, cầu phà,…

+ Chi phí dự phòng: khoản trích dự phòng, phải thu khó đòi.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như: tiền điện, tiền nước, tiền thuê TSCĐ dùng chung của doanh nghiệp.

+ Chi phí bằng tiền khác: các khoản chi phí khác bằng tiền ngoài các khoản kể trên như: chi phí hội nghị, tiếp khách, chi phí công tác phí, chi phí đào tạo cán bộ và các khoản chi phí khác.

- ***Chứng từ kế toán:*** Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội, Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định, Bảng phân bổ nguyên vật liệu – công cụ dụng cụ, Hóa đơn giá trị gia tăng, Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng,…

- ***Tài khoản sử dụng***

Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Bên nợ: Phản ánh chi phí chung phát sinh liên quan toàn bộ doanh nghiệp. Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả, dự phòng trợ cấp việc làm

Bên có: Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

TK 642 được mở chi tiết:

TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp

TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý

TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng

TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định

TK 6425: Thuế, phí, lệ phí

TK 6426: Chi phí dự phòng

TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

- Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

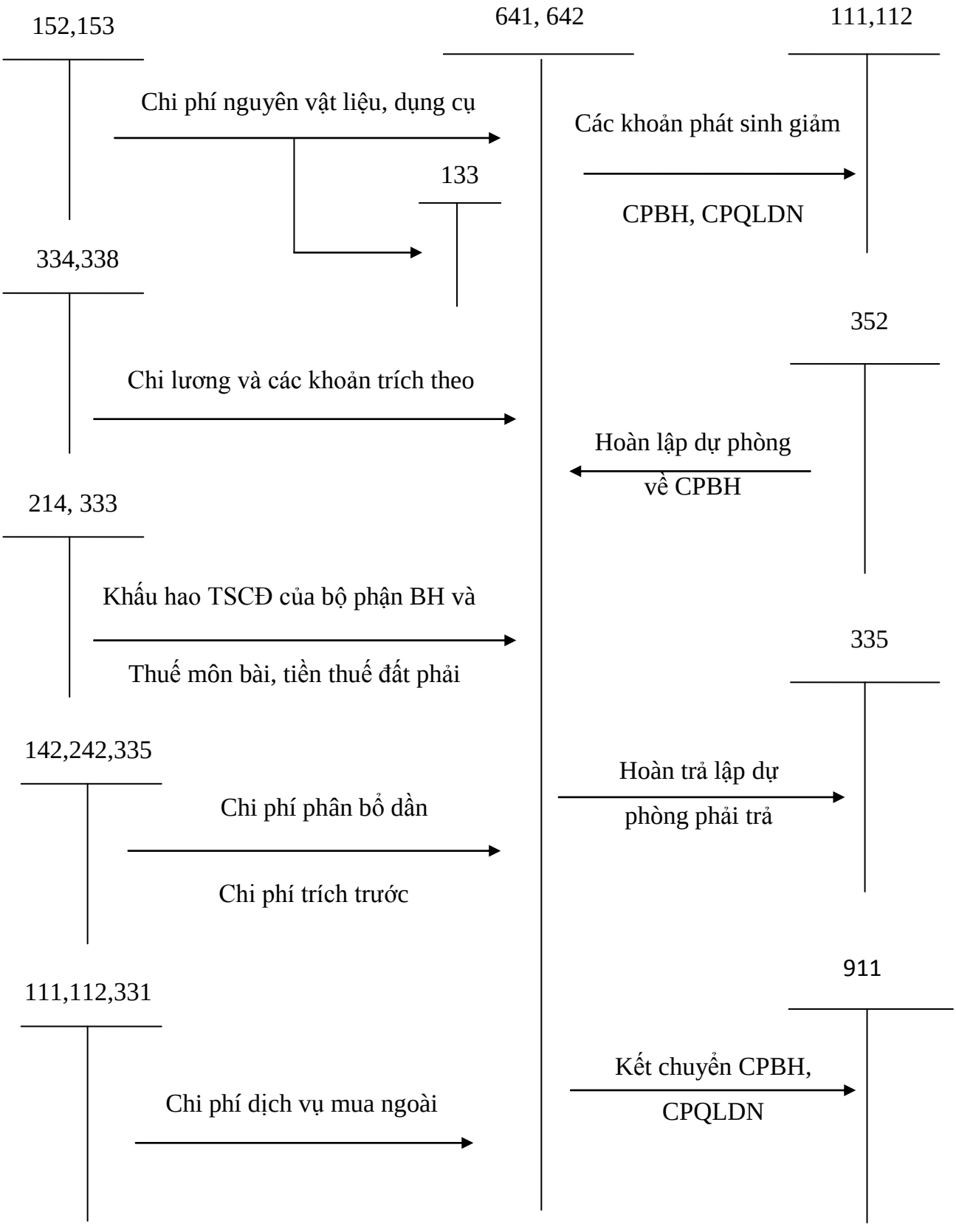

Sơ đồ 6: Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.4.3. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.

1.4.3.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch của hoạt động kinh doanh trong kỳ
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Chênh lệch thanh toán được hưởng do mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ, tài sản cố định,…

➢ ***Chứng từ kế toán*** Phiếu thu, Giấy báo lãi của ngân hàng, Các hợp đồng vay vốn, Biên bản góp vốn liên doanh, liên kết,…

➢ ***Tài khoản sử dụng***

Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Kết cấu TK 515:

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 " Xác định kết quả kinh doanh".

Bên có:

- Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

- ***Sơ đồ hạch toán:***

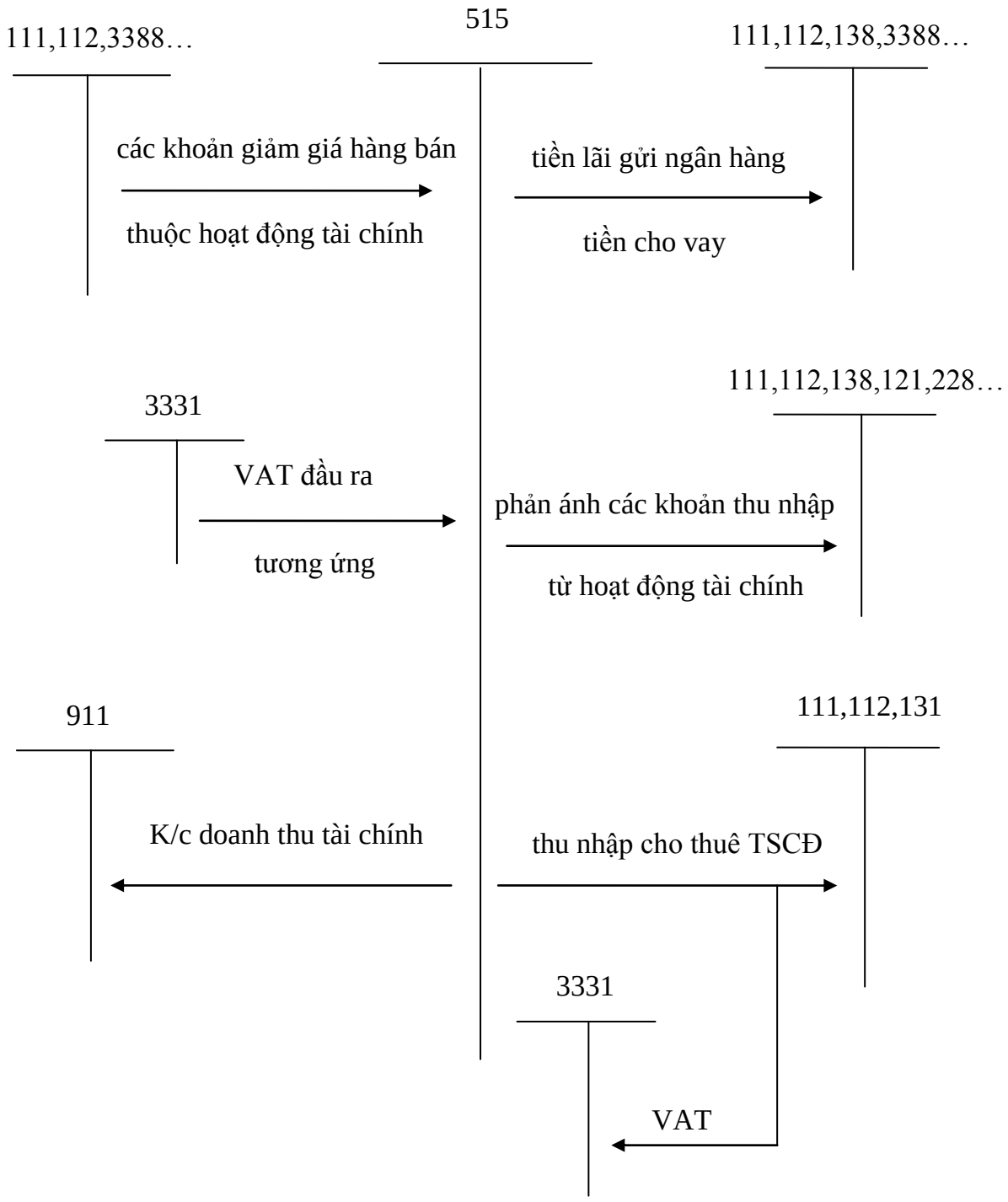

Sơ đồ 7: Kế toán doanh thu tài chính

1.4.3.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính là những chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính doanh nghiệp. Chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Lỗ bán ngoại tệ.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện).
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục có tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện)
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).

➢ ***Chứng từ kế toán:*** Phiếu chi, Giấy báo nợ của ngân hàng, Các hợp đồng vay vốn, Biên bản góp vốn liên doanh, liên kết,…

➢ ***Tài khoản sử dụng***

Tài khoản 635: Chi phí tài chính

Kết cấu TK 635:

Bên nợ: Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ.

Bên có: - Các khoản giảm chi phí tài chính.

- Cuối kỳ kế toán năm, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

- ***Phương pháp hạch toán chi phí hoạt động tài chính:***

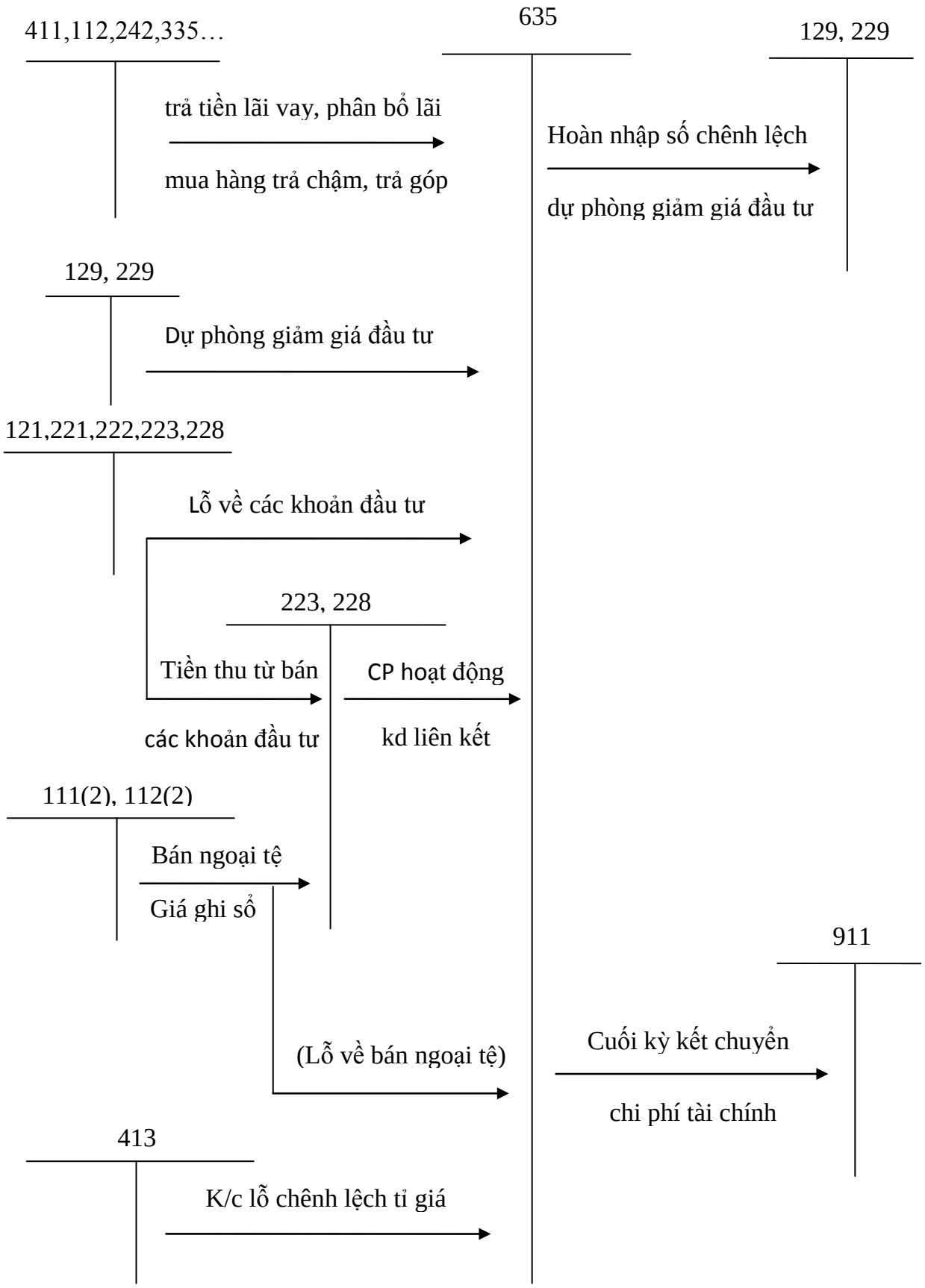

Sơ đồ 8: Phương pháp hạch toán chi phí tài chính.

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.5.1. Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác: phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Thu nhập khác gồm:

+ Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ

+ Giá trị còn lại hoặc giá bán hoặc giá trị hợp lý của TSCĐ bán để thuê lại theo phương thức thuê tài chính hoặc thuê hoạt động.

+ Tiền thu được do phạt khách hàng hoặc do phạt vi phạm hợp đồng kinh tế.

+ Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.

+ Các khoản thuế được nhà nước miễn giảm, trừ thuế TNDN.

+ Thu từ các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.

+ Thu nhập từ quà biếu, quà tặng bằng hiện vật của các cá nhân hay tổ chức tặng doanh nghiệp.

+ Các khoản tiền thưởng của khách hàng kiên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).

- ***Chứng từ kế toán***

- Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng.
- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.
- Các chứng từ khác có liên quan.

- ***Tài khoản sử dụng:*** Tài khoản 711 - Thu nhập khác

Kết cấu TK 711:

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 " Xác định kết quả kinh doanh"

Bên có: Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

- Phương pháp hạch toán thu nhập khác

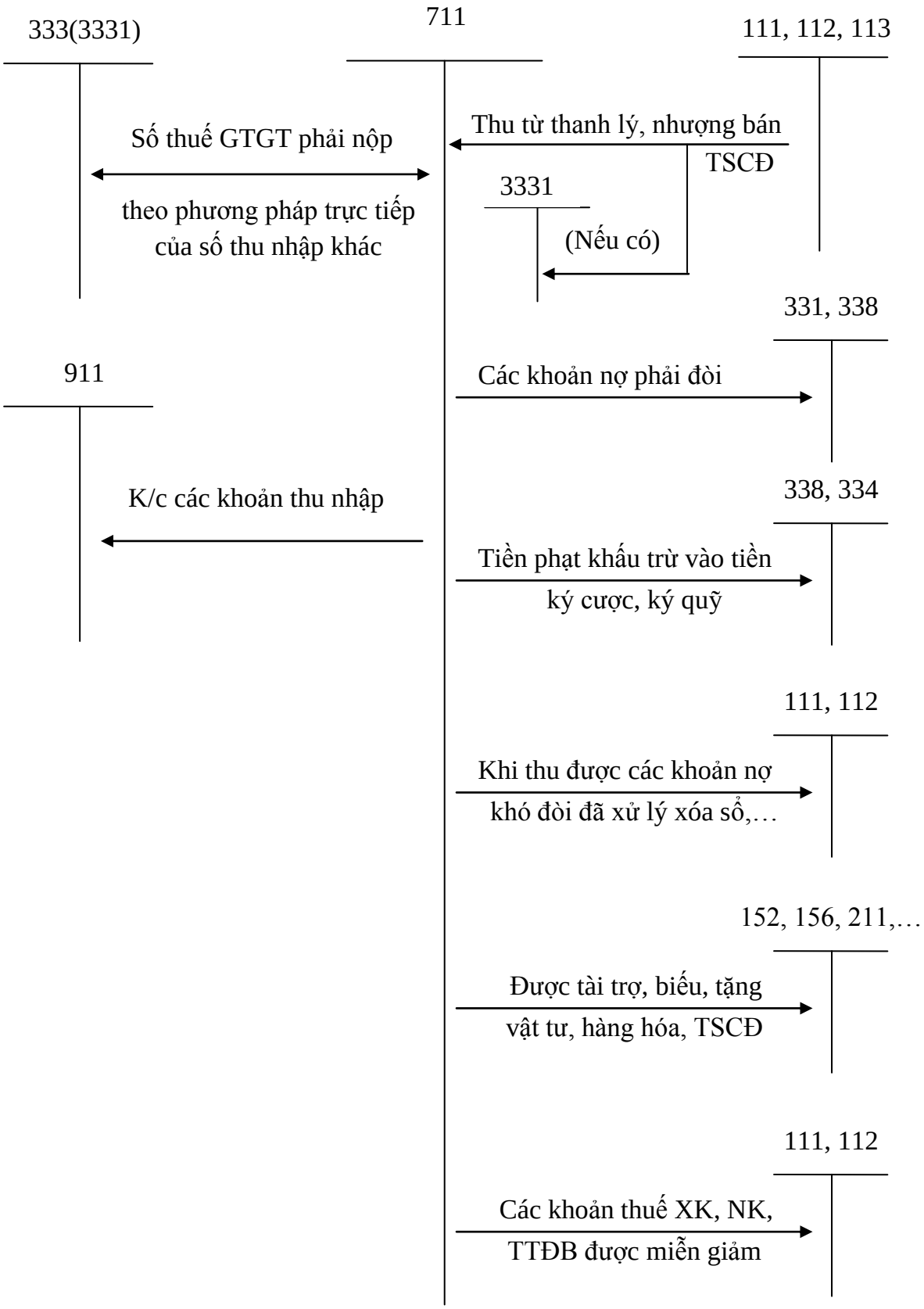

Sơ đồ 9: Phương pháp hạch toán thu nhập khác

2.2.5.2. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Chi phí khác bao gồm:

+ Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có).

+ Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

+ Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

+ Bị phạt thuế, truy thu thuế.

+ Các khoản chi phí khác.

- ***Chứng từ kế toán***

- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng.

- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

- Các chứng từ khác có liên quan.

- ***Tài khoản sử dụng:*** Tài khoản 811- Chi phí khác

Kết cấu TK 811:

Bên nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh.

Bên có: Cuối kỳ kết chuyển các khoản phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

➢ Phương pháp hạch toán chi phí khác

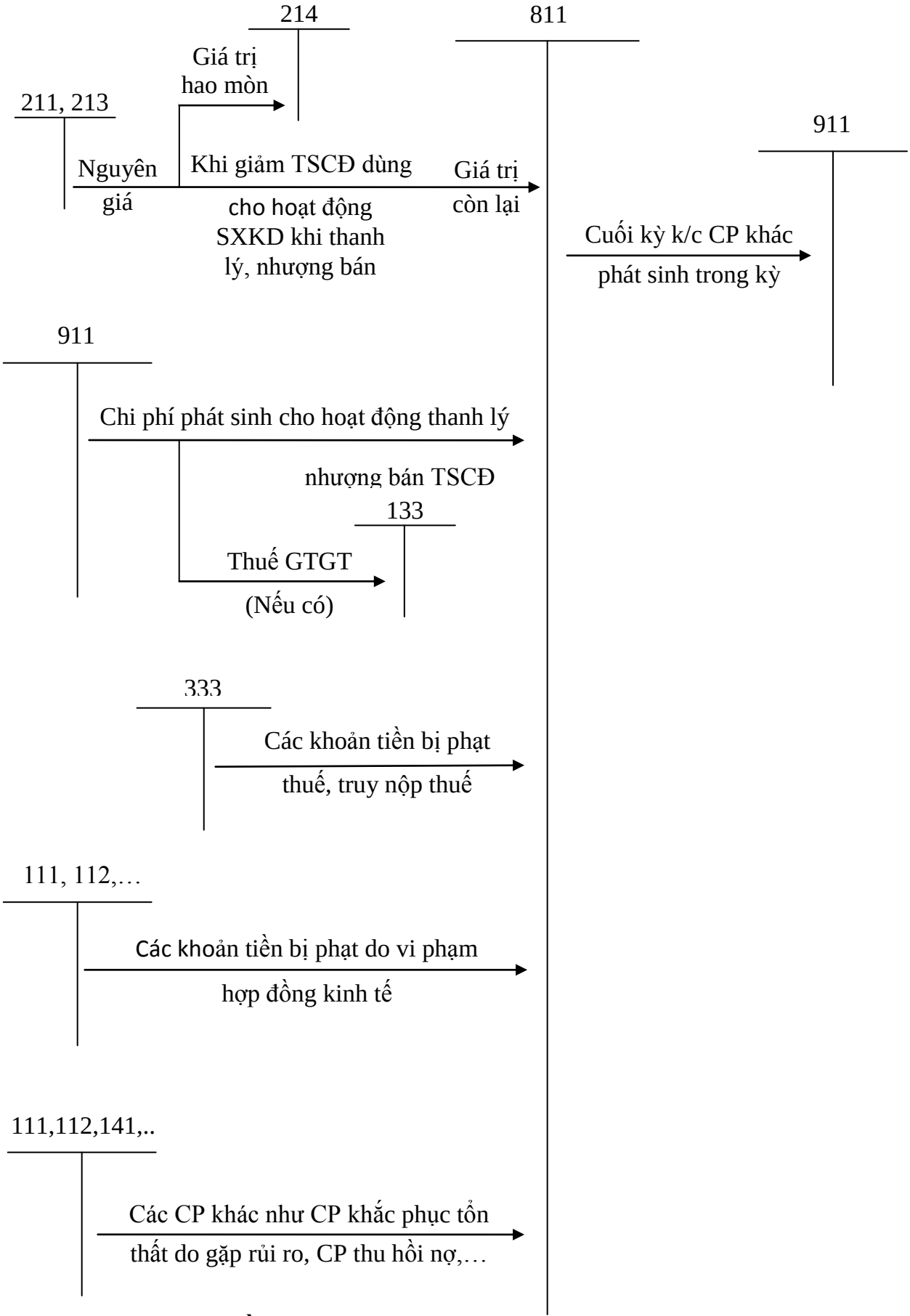

Sơ đồ 10: Phương pháp hạch toán chi phí khác

1.4.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

1.4.5.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh:

Kết quả hoạt động kinh doanh được biểu hiện thông qua số tiền lãi hoặc lỗ trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:

$$\text{Lợi nhuận}_{HĐKD} = \text{Lợi nhuận}_{SXKD} + \text{Lợi nhuận}_{HĐ\ tài\ chính} + \text{Lợi nhuận}_{HĐ\ khác}$$

Trong đó:

$$\text{Lợi nhuận}_{SXKD} = \text{DT thuần} - \text{Giá vốn} - \text{Chi phí}_{BH} - \text{Chi phí}_{QLDN}$$

$$\text{DT thuần} = \text{Doanh thu} - \text{Các khoản giảm trừ}$$

$$\text{Lợi nhuận}_{HĐ\ tài\ chính} = \text{Doanh thu}_{HĐ\ tài\ chính} - \text{Chi phí}_{HĐ\ tài\ chính}$$

$$\text{Lợi nhuận}_{SXKD} + \text{Lợi nhuận}_{HĐ\ tài\ chính} = \text{Lợi nhuận}_{SXKD\ thông\ thường}$$

$$\text{Lợi nhuận}_{HĐ\ khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

1.4.5.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:

- ***Chứng từ kế toán:*** Phiếu kế toán, và các chứng từ khác có liên quan.
- ***Tài khoản sử dụng***

  Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh

  Kết cấu TK 911:

Bên nợ:

- Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác.
- Chi phí quản lý kinh doanh.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lãi.

Bên có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.

- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác.
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Tài khoản 421: Lợi nhuận chưa phân phối**

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận, xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Bên nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trích lập các quỹ.
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư.
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.

Bên có:

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 421 có thể có số dư bên nợ hoặc bên có.

Số dư bên nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh lũy kế.

Số dư bên có: Số lợi nhuận chưa phân phối.

Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối, có 2 tài khoản cấp 2:

TK 4211 – lợi nhuận chưa phân phối năm trước: phản ánh lợi nhuận hoặc lỗ trong các năm trước chưa phân phối hoặc xử lý.

Đầu năm sau, kế toán kết chuyển số dư đầu năm từ TK 4212 "Lợi nhuận chưa phân phối năm nay" sang TK 4211 " Lợi nhuận chưa phân phối năm trước".

TK 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay: phản ánh kết quả kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận và xử lý lỗ của năm nay.

➢ Sơ đồ hạch toán

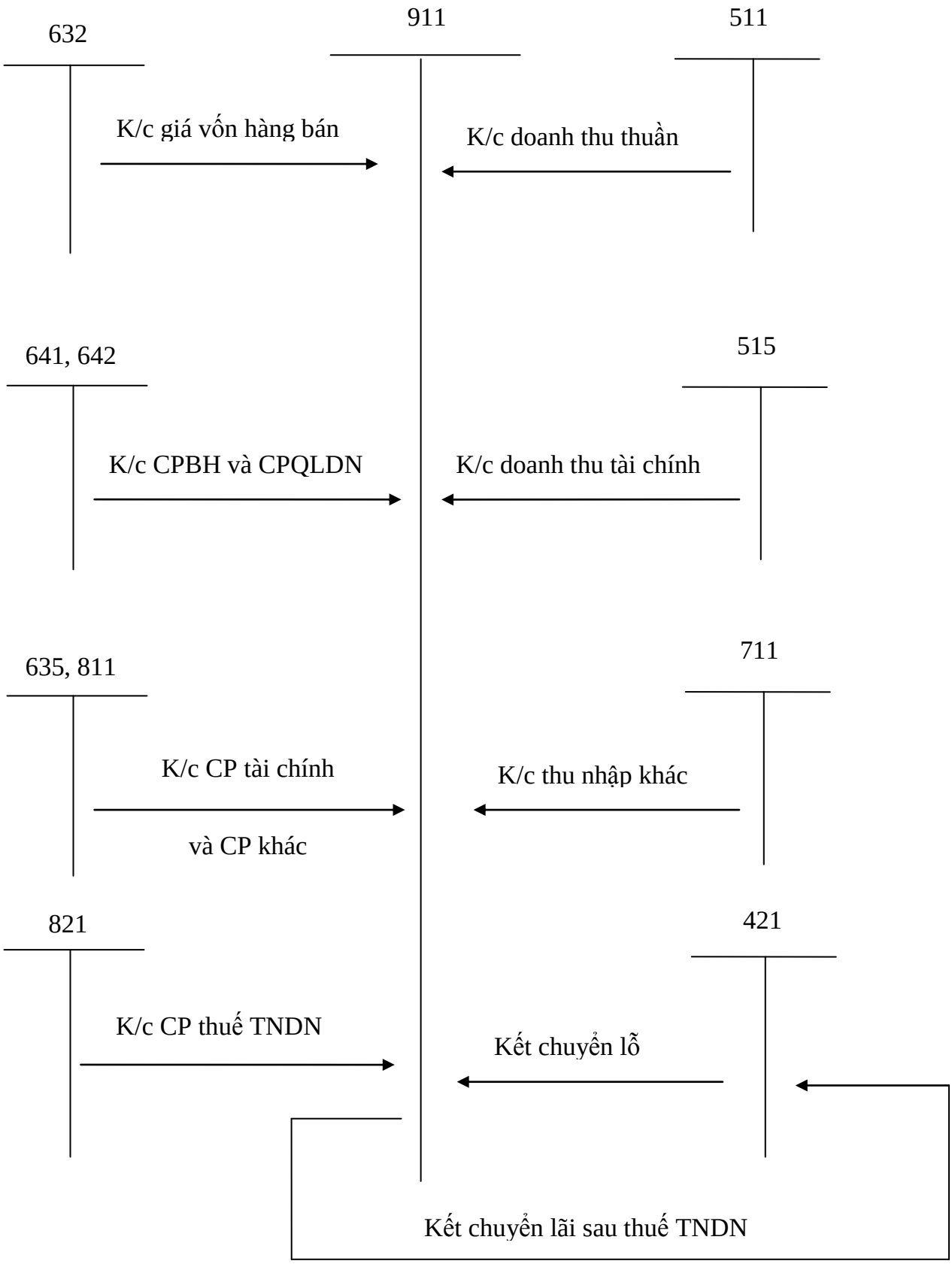

Sơ đồ 11: Sơ đồ hạch toán kết quả kinh doanh và phân phối kết quả kinh doanh.

1.5. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Có 5 hình thức kế toán:

1. Hình thức Nhật ký – Sổ cái.
2. Hình thức Nhật ký chung.
3. Hình thức Nhật ký chứng từ.
4. Hình thức Chứng từ ghi sổ.
5. Hình thức kế toán máy.

Căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật tính toán, công ty lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp. Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký chung được mô tả thông qua sơ đồ sau:

❖ Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

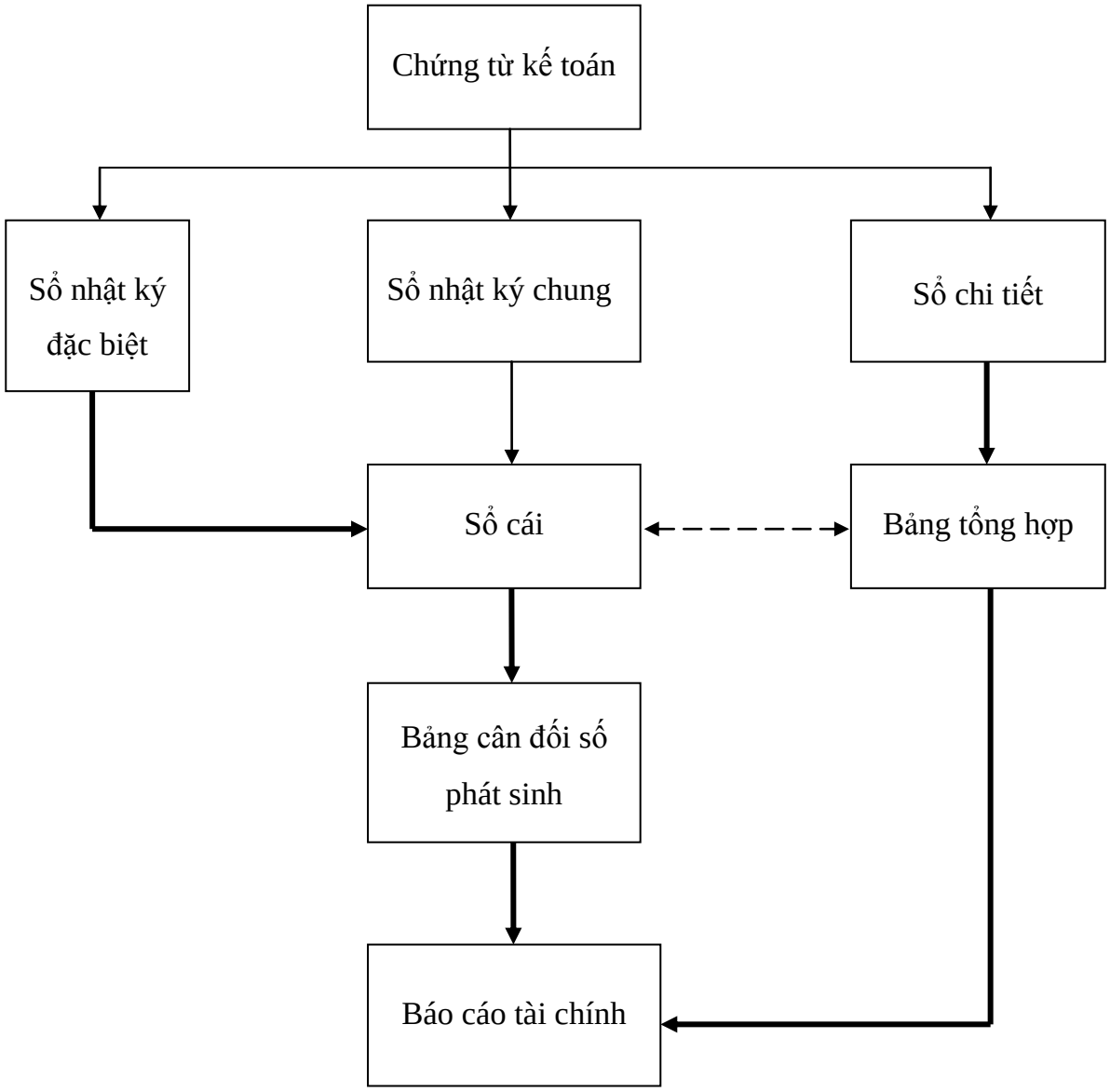

Ghi chú:
- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối kỳ, hoặc định kỳ
- Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 12: Trình tự ghi sổ sách kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

CHƯƠNG II:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN MATEXIM HẢI PHÒNG

2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng

Tên doanh nghiệp : Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng

Tên tiếng Anh : Material and Techial Export - Import Corporation

Tên giao dịch : MATEXIM HẢI PHÒNG

Trụ sở : Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - Hải Phòng

Mã số thuế : 0200575118

Tài khoản : 710A - 00359 - NH Công Thương – Hồng Bàng - Hải Phòng

0200820923- Ngân hàng thương mại Á Châu – NQ - HP

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng.

Giai đoạn 1985 – 1993: Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng tiền thân là Chi nhánh vật tư Hải Phòng thuộc công ty thiết bị toàn bộ trực thuộc Tổng công ty máy động lực và máy nông nghiệp - Bộ công nghiệp, được thành lập cách đây trên 30 năm và thành lập lại theo Quyết định số 214/QĐ/TSDT do Bộ trưởng Bộ công nghiệp nặng cấp ngày 05/03/1993. Thời kì này chức năng chủ yếu của Xí nghiệp chỉ đơn thuần là kho chuyên lưu giữ tiếp nhận vật tư thiết bị và giao lại cho các đơn vị trên toàn quốc theo kế hoạch và chỉ đạo của cấp trên. Thời kì này các chức năng kinh doanh chưa phát triển. Đây là giai đoạn sơ khai của bước chuyển từ chế độ bao cấp sang chế độ kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Thực ra giai đoạn này chỉ là chuẩn bị vẫn còn nặng nề tư tưởng bao cấp. Kế hoạch hàng năm do cấp trên phân bổ, hầu như số lượng mặt hàng chủ yếu tập trung vào hàng kim khí.

Giai đoạn 1993 – 1998: Năm 1993 khi Xí nghiệp chuyển thành Chi nhánh vật tư Hải Phòng, lãnh đạo chi nhánh đã có nhiều cải tiến đáng kể. Đây là giai đoạn tự trang trải, là giai đoạn khó khăn nhất của chi nhánh, là thời kì thực

hiện nghị quyết trung ương Đảng VII, tiến hành đổi mới về mọi mặt. Quản lý kinh tế xã hội trong thời gian này bắt đầu có xu hướng mở rộng và đổi mới, dần xoá bỏ bao cấp, các đơn vị được tư do tìm hướng đi phù hợp với điều kiện thực tế. Tình hình đó buộc các cấp lãnh đạo Chi nhánh và cán bộ công nhân viên cùng phải năng động hơn, mạnh dạn tìm các đối tác, mở rộng lĩnh vực kinh doanh, đa dạng hoá các mặt hàng. Dần dần các nợ đọng cũng thu hồi được một phần, nợ cũ thanh toán hết, bắt đầu tích luỹ được, làm ăn có lãi, ổn định được một số mặt hàng chủ lực, xây dựng khách hàng truyền thống.

Giai đoạn 1998 – 2003: Giai đoạn tập thể lãnh đạo chi nhánh đã có nhiều đổi mới tích cực về mọi mặt. Hoạt động sản xuất kinh doanh của chi nhánh đã hoà nhập và thích nghi trong cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Giai đoạn đầu năm 2004 đến nay: do có xu hướng hội nhập của nền kinh tế thế giới và chủ trương chính sách của Đảng và Nhà Nước về việc chuyển đổi cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần. Chi nhánh đã được chuyển đổi thành Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng theo Quyết định số 198/2003/QĐ – BCN ngày 27/11/2003 của Bộ trưởng bộ công nghiệp.

Qua quá trình hoạt động, với nỗ lực và quyết tâm của ban lãnh đạo và tập thể Công ty đã khắc phục khó khăn và nhanh chóng phát triển thành một đơn vị dựa trên nền tảng cạnh tranh bằng chữ tín và khả năng linh hoạt đáp ứng cung cấp vật tư, thiết bị của khách hàng.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng.

Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng tham gia lĩnh vực kinh doanh: mua bán sắt thép, các vật tư phục vụ ngành xây dựng, kim loại màu và phế liệu.

Khởi đầu từ năm 2001 với chức năng là Tổng đại lý tại phía Bắc cho Công ty Thép Miền Nam, Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng đã xây dựng thành công và đưa Thép Miền Nam từ một sản phẩm vốn chỉ quen thuộc ở thị trường phía Nam trở thành thương hiệu có vị thế trên toàn quốc. Từ đó, công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng đã xúc tiến rộng rãi lĩnh vực phân phối thép xây

dựng cho các nhà sản xuất thép. Hiện tại, công ty còn là nhà phân phối chính thức các sản phẩm thép xây dựng cho các công ty thép như: Thép VSC – POSSCO, Thép Việt – Úc, Công ty gang thép Thái Nguyên,…

Trong thời gian qua, công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng đã cung cấp các sản phẩm thép xây dựng cho nhiều công trình lớn trên phạm vi toàn quốc: Công trình nhà máy xi măng Cẩm Phả, Nhà máy đóng tàu Bạch Đằng, Nam Triệu, Hạ Long, các khu chung cư: Trung Yên, Linh Đàm, Trung Hoà – Nhân Chính, tháp đôi Hoà Bình,…

Đặc biệt, trong một số công trình trọng điểm, công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng là nhà cung cấp độc quyền các chủng loại thép cho các công trình lớn như: Công trình cầu Yên Lệnh, công trình khu đô thị mới Trung Hoà – Nhân Chính, Công trình trung tâm hội nghị Quốc gia, Công trình cao ốc Láng Hạ, Công trình cầu cảng Đình Vũ, Nhà máy nhiệt điện Hải Phòng,…

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng.

Công ty hoạt động và điều hành theo mô hình, cơ cấu tổ chức của một công ty cổ phần gồm có: Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó tổng Giám đốc, bộ máy các phòng ban nghiệp vụ.

❖ Đại hội cổ đông: Quyết định tổng số cổ phần được quyền chào bán và mức cổ tức hàng năm của từng cổ phần, bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, thông qua điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty…

❖ Hội đồng quản trị: có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mọi quyền lợi của công ty, quyết định chiến lược phát triển của công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm cách chức Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể của công ty…

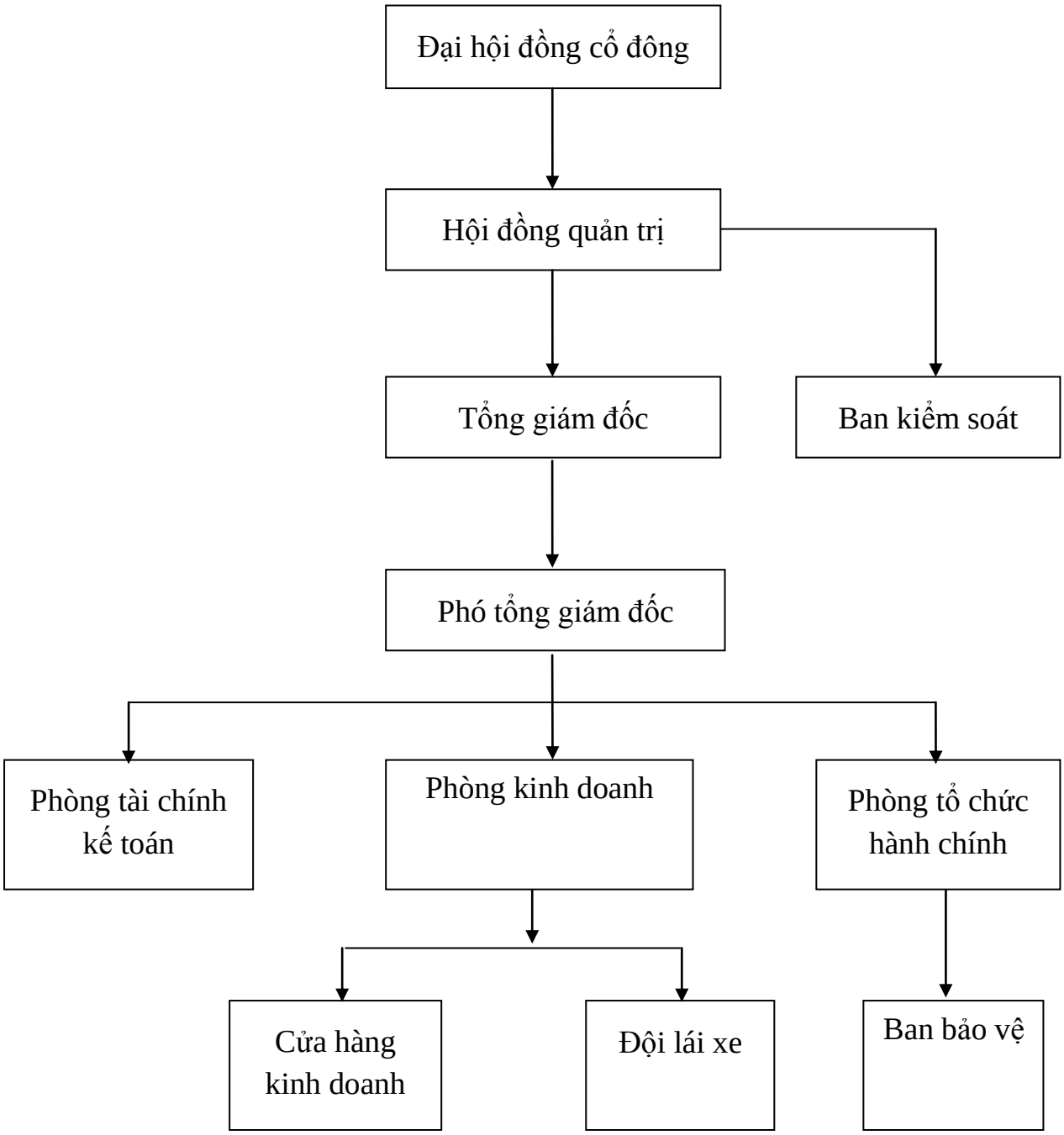

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng

❖Ban kiểm soát: Kiểm tra tính hợp lý, quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của công ty, kiểm tra từng vấn đề liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại

hội cổ đông hoặc nhóm cổ đông nhất định… Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

❖ Ban giám đốc gồm:

-Tổng giám đốc: do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và bãi nhiệm theo đề nghị của các thành viên trong Hội đồng quản trị.

-Phó tổng Giám đốc: do Tổng giám đốc bổ nhiệm và bãi nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản trị, chuyên phụ trách các vấn đề kinh doanh.

❖ Bộ máy tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh gồm các phòng ban:

- Phòng kế hoạch kinh doanh:

Là phòng thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Tổng hợp phân tích mọi hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Nghiên cứu tham mưu, đề xuất các phương án kinh doanh trình Giám đốc phê duyệt thực hiện và ký kết các hợp đồng kinh tế. Triển khai thực hiện các phương án kinh doanh.

- Phòng tài chính kế toán:

Tham mưu cho Giám đốc về quản lý hoạt động tài chính. Hạch toán kinh tế toàn công ty. Tổng hợp số liệu, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình sử dụng tài chính, vật tư, tiền vốn, bảo đảm quyền chủ động trong kinh doanh. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, thực hiện tốt yêu cầu kiểm toán thanh tra về tài chính của cấp trên.

Phản ánh chính xác, trung thực đầy đủ, kịp thời, rõ ràng, dễ hiểu toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trên nguyên tắc độc lập về nghiệp vụ.

- Phòng tổ chức hành chính

Quản lý về văn thư lưu trữ. Mua sắm các trang thiết bị văn phòng theo yêu cầu của quản lý sản xuất kinh doanh. Quản lý đất đai, nhà cửa, khu vực văn phòng của công ty. Lên phương án bảo vệ cơ quan, triển khai công tác bảo vệ an ninh trật tự toàn công ty. Giải quyết các chế độ chính sách đối với người lao động như chế độ tiền lương, bảo hiểm, hưu trí…

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng.

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Để thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ cũng như yêu cầu hạch toán kế toán của công ty, Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng đã cố gắng tổ chức công tác kế toán một cách khoa học, hợp lý, phù hợp với chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước cũng như của các ngành và vận dụng thích ứng với đặc điểm tổ chức kinh doanh của công ty. Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng đã tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung, để đảm bảo cho quá trình ghi chép sổ sách được chính xác, kịp thời, phù hợp, mọi nhân viên kế toán hoạt động dưới sự điều hành của kế toán trưởng.

Phòng kế toán tài chính gồm có 6 người, mỗi người có chức năng và nhiệm vụ như sau:

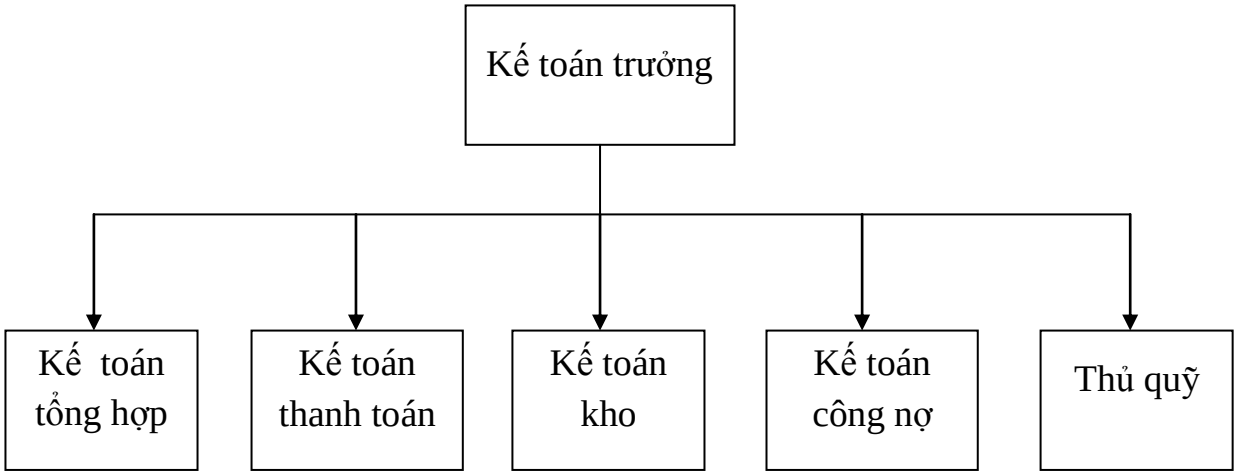

Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng

- Kế toán trưởng: là người chịu trách nhiệm chung trước giám đốc về công tác kế toán tài chính toàn công ty. Bảo vệ kế hoạch tài chính với tổng công ty, giao kế hoạch tài chính cho các kế toán viên trong phòng. Trực tiếp phụ trách công tác chỉ đạo điều hành về tài chính, tổ chức và hướng dẫn thức hiện các chính sách, chế độ và các quy định của Nhà nước và ngành nghề về công tác kế toán tài chính. Tham gia kí và kiểm tra thực hiện hợp đồng kinh tế, tổ chức thông tin kinh tế và phân tích hoạt động kinh tế toàn công ty.

- Kế toán tổng hợp: là người thay kế toán trưởng điều hành công tác kế toán

tài chính khi kế toán trưởng đi vắng. Chịu trách nhiệm về các khoản phải thanh toán với Ngân sách Nhà Nước, theo dõi tăng, giảm vốn. Định kỳ, cuối quý kiểm tra số liệu ở các phần hành, tổng hợp lập báo cáo kế toán.

- Kế toán thanh toán: theo dõi thu chi tiền mặt, tiền lương, các khoản thanh toán qua ngân hàng, các khoản vay ngân hàng, chí phí nghiệp vụ kinh doanh; kiểm soát chứng từ thu chi và báo cáo tình hình thu chi.

- Kế toán công nợ: theo dõi các khoản công nợ phải thu, phải trả, thu chi tiền mặt, các khoản vay ngân hàng để từ đó kịp thời thực hiện việc thanh toán các khoản nợ và đòi nợ từ khách hàng; tính lương, chi tạm ứng, viết hóa đơn bán hàng.

- Kế toán kho: cập nhật chi tiết lượng hàng hoá, dụng cụ xuất ra, lượng mua vào; tiến hành kiểm kê đối chiếu sổ sách với thủ kho về lượng nhập, xuất, tồn kho; theo dõi quản lý tài sản cố định, tính khấu hao tài sản cố định kịp thời phân bổ vào chi phí.

- Thủ quỹ : phản ánh thu, chi, tồn quỹ tiền mặt đối chiếu thực tế với sổ sách, phát hiện các sai sót; bảo quản tiền mặt của công ty, thực hiện thu chi theo đúng nguyên tắc.

2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại công ty:

- Kỳ kế toán: từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 năm dương lịch

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho:

+ Nguyên tắc đánh giá: theo giá trị gốc của hàng hoá.

+ Phương pháp tính giá hàng tồn kho cuối kỳ: theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

+ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp hạch toán tài sản cố định:

+ Nguyên tắc đánh giá tài sản: theo giá gốc.

+ Phương pháp khấu hao: theo đường thẳng

- Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống tài khoản, chứng từ kế toán.

Công ty đã tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo Quyết định số 15/2006QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán và hình thức kê toán áp dụng tại Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng tại công ty là hình thức "**Nhật ký chung**".

- Hình thức Nhật ký chung gồm có các loại sổ sách sau:
  - Sổ nhật ký chung
  - Sổ cái
  - Sổ chi tiết
  - Bảng tổng hợp
- Qui trình hạch toán theo hình thức Nhật ký chung.

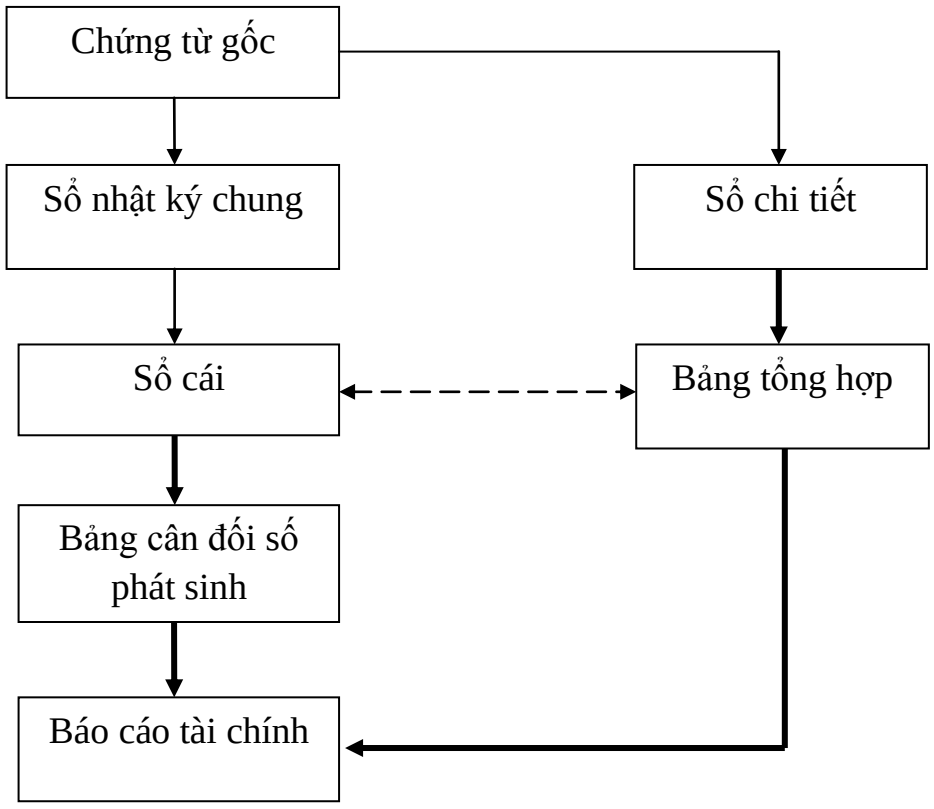

Ghi chú: ——→ Ghi hàng ngày

——→ Ghi cuối kỳ

←- - -→ Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán tại Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng.

Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào Sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái các tài khoản kế toán phù hợp. Vì doanh nghiệp có mở Sổ chi tiết một số tài khoản nên đồng thời với việc ghi sổ Nhật kí chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

2.1.4.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán

- Báo cáo kế toán của công ty được lập theo niên độ kế toán từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Hệ thống báo cáo bao gồm:

Bảng cân đối kế toán – Mẫu số B01 DN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh – Mẫu số B02 DN

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ - Mẫu số B03 DN

Thuyết minh báo cáo tài chính – Mẫu số B09 DN

Ngoài ra còn có các báo cáo kế toán khác như: Báo cáo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, Báo cáo quyết toán thuế giá trị gia tăng, Báo cáo doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ,…

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng.

2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm hàng hóa

Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, không trực tiếp sản xuất nên không có kho nguyên liệu và thành phẩm mà chỉ có hàng hóa là chính và cung cấp dịch vụ cho công tác quản lý và bán hàng.

Hàng hóa của công ty là các loại vật tư ngành sắt thép, kim loại màu và vật liệu xây dựng phục vụ cho ngành công nghiệp, ngành xây dựng và các ngành khác trong nền kinh tế quốc dân. Có thể kể một số mặt hàng chủ yếu sau:

- Mặt hàng sắt thép: thép xây dựng, thép cuộn, thép thanh vằn, thép tròn đốt, thép tròn trơn, thép cuộn cán nguội, thép tấm chịu nhiệt,…
- Kim loại màu: gang, đồng, thiếc thỏi,…
- Vật tư ngành thép: thép phế, ferro silic, silic mangan,…

2.2.1.2. Các phương thức bán hàng tại Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng

Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng chuyên kinh doanh buôn bán mặt hàng là thép xây dựng.

Thị trường của công ty chủ yếu là ở thành phố Hải Phòng và các tỉnh khác. Để có thể cạnh tranh, thắng thế với các đối thủ khác trong nền kinh tế thị trường, công ty đã không ngừng đẩy mạnh công tác bán hàng, nâng cao uy tín đối với khách hàng, áp dụng các hình thức thanh toán rất linh hoạt với thủ tục đơn giản, nhanh gọn, phù hợp với từng khách hàng, thái độ và cách thức phục vụ khách hàng của người bán cũng không ngừng được nâng cao.

Với chất lượng hàng hoá tốt, chủng loại đa dạng, phong phú, chính sách giá linh hoạt, phương thức bán hàng hiệu quả, công ty đã và đang dần chiếm lĩnh thị trường.

Để có thể chủ động trong nguồn hàng bán ra, công ty đã tổ chức mua hàng của các tổ chức sản xuất thuộc nhều thành phần kinh tế khác nhau. Công ty cổ

phần MATEXIM mua hàng trực tiếp thanh toán ngay là phương thức chủ yếu. Công ty cử nhân viên nghiệp vụ trực tiếp đến mua hàng ở bên bán và trực tiếp nhận hàng chuyển về công ty bằng phương tiện của công ty hoặc thuê ngoài. Tiền mua hàng có thể thanh toán bằng tiền mặt (số tiền dưới 20.000.000 đồng) hoặc thanh toán qua ngân hàng.

Vì mua hàng đóng vai trò quan trọng trong quá trình kinh doanh của công ty, nên ngoài việc thực hiện nghiêm ngặt các trình tự nghiệp vụ mua hàng và thủ tục chứng từ để đảm bảo công tác giao nhận tốt, kế toán công ty còn phải có phương pháp tổ chức hạch toán giá vốn hàng xuất bán để xác định kết quả kinh doanh cho phù hợp.

Trong cơ chế thị trường một trong những mục tiêu quan trọng nhất của các doanh nghiệp thương mại là làm sao tiêu thụ được nhiều hàng nhất, tổ chức được nhiều phương thức bán hàng hấp dẫn với khách hàng như: phương thức bán hàng trực tiếp, phương thức bán hàng đại lý,… Nhưng để thực hiện mục tiêu của mình, Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng đã tổ chức phương thức bán hàng trực tiếp là chủ yếu. Bán hàng theo phương thức này là công ty giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho, hoặc vận chuyển đến tận nơi người mua, hoặc bán thẳng không qua kho dưới hình thức mua hàng rồi chuyển thẳng tới cho khách hàng. Hàng hoá sau khi giao cho khách được coi là tiêu thụ. Xét trên góc độ thanh toán, phương thức bán hàng này bao gồm:

Bán hàng thu tiền ngay (thanh toán ngay): Theo hình thức này thì căn cứ vào các hợp đồng và yêu cầu của bên mua mà công ty có thể giao hàng ngay tại kho hoặc cho người đem đến giao cho khách. Khi nhận hàng xong, người nhận hàng ký nhận vào hoá đơn bán hàng. Kế toán phản ánh nghiệp vụ vào các sổ sách, khách hàng có thể trả tiền mặt hoặc thanh toán qua chuyển khoản.

Bán hàng trả chậm: khách hàng mua hàng và chấp nhận thanh toán, sau một thời gian mới tiến hành thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Hình thức này thường được áp dụng đối với khách hàng quen thuộc của công ty, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng khi đã có mối quan hệ thường xuyên lâu dài với công ty.

Ngoài hai phương thức bán hàng chủ yếu trên còn có trường hợp bán hàng đổi hàng và bán hàng cho công nhân viên. Nhưng hai trường hợp này công ty rất ít sử dụng.

2.2.1.3. Kế toán doanh thu bán hàng

Do mô hình hoạt động của công ty là thương mại chủ yếu là kinh doanh sắt thép và vật liệu xây dựng. Nên doanh thu chính của công ty là: Doanh thu về kinh doanh sắt thép xây dựng.

- ***Chứng từ kế toán sử dụng:*** Phiếu xuất kho, Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng, Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu 01- GTKT - 3LL), và các chứng từ khác có liên quan,…
- Tài khoản kế toán sử dụng: Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng

Tài khoản này được mở để theo dõi doanh thu bán hàng hóa tại công ty. Ngoài ra TK 511 còn được doanh nghiệp mở một số TK cấp 2 như sau:

TK 51111: Doanh thu bán thép cây D6 – D16

TK 51112: Doanh thu bán thép cây D18 – D32

TK 51113: Doanh thu bán thép cây vằn SD295

TK 51114: Doanh thu bán thép cuộn

TK 51115: Doanh thu bán thép ống, thép công nghiệp

TK 51116: Doanh thu bán vật liệu xây dựng khác

TK 51117: Doanh thu bán phế liệu, kim loại màu

- Sổ sách kế toán sử dụng:

- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 511, TK 131, TK 111, TK 3331
- Sổ chi tiết bán hàng, Sổ chi tiết phải thu của khách hàng
- Bảng tổng hợp doanh thu, Bảng tổng hợp phải thu khách hàng.

➢ ***Quá trình ghi sổ***

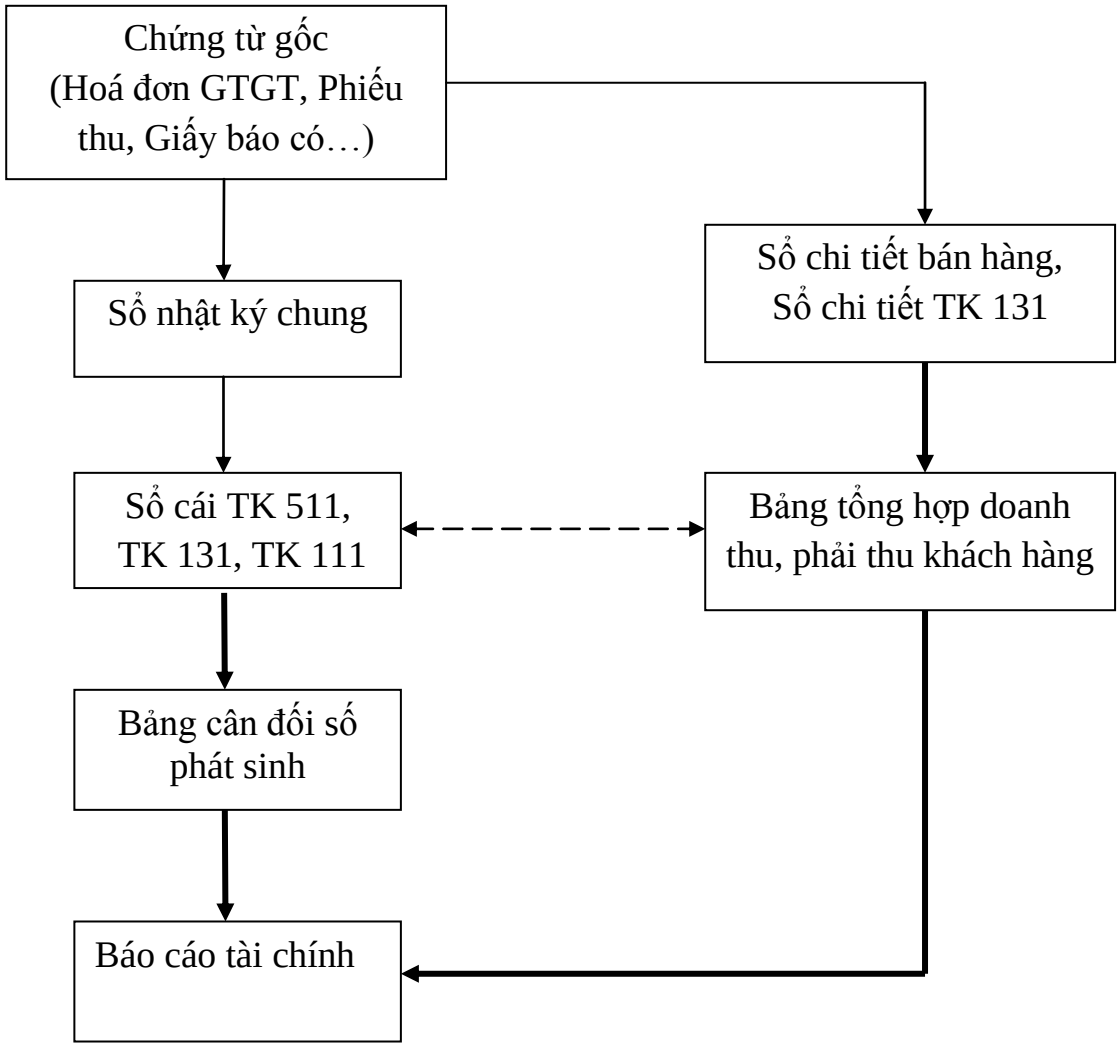

Ghi chú: ——→ Ghi hàng ngày

——► Ghi định kỳ

←– – –► Đối chiếu

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ sách kế toán doanh thu.

➢ ***Quy trình hạch toán***

❖ **Doanh thu bán hàng hóa**

✓ ***Khâu bán lẻ:***

Trong khâu bán lẻ hàng ngày tại cửa hàng thi đa số hàng hóa giao cho khách hàng và thu tiền thường cùng một thời điểm. Vì vậy thời đểm tiêu thụ và khâu bán lẻ được xác định ngay khi hàng hóa giao cho khách hàng. Căn cứ vào bảng kê bán lẻ hàng hóa nộp cho kế toán và các chứng từ liên quan đến việc bán

hàng, nộp tiền bán hàng và bảng kê nộp tiền cho thủ quỹ. Hàng ngày khi nhận được bảng kê bán lẻ tiêu thụ hàng hóa kế toán ghi hóa đơn giá trị gia tăng bán hàng hóa và định khoản rồi lần lượt vào các sổ sách.

Ví dụ 2.1: Cuối ngày 10 tháng 12 năm 2009 nhân viên Nguyễn Văn Nhân nộp tiền bán hàng cùng bảng kê bán lẻ hàng hóa (Biểu 01). Kế toán căn cứ vào bảng kê bán lẻ hàng hóa lập Hóa đơn GTGT 046818 (Biểu 02) và Phiếu thu tiền hàng bán lẻ của nhân viên Nguyễn Văn Nhân (Biểu 03).

- Căn cứ vào các chứng từ trên kế toán doanh thu bán hàng lập Phiếu kế toán số 35/12 (Biểu 04) với định khoản như sau:

Nợ TK 111 :		20.545.950
	Có TK 511:	18.678.137
	Có TK 3331:	1.867.813

- Căn cứ vào định khoản trên kế toán ghi vào Nhật ký chung (Biểu 08)

- Từ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 511(Biểu 09), Sổ cái TK 111(Biểu 05)

- Đồng thời căn cứ vào Hóa đơn GTGT ghi vào Sổ chi tiết TK 511 (Biểu 11)

- Cuối tháng căn cứ vào Sổ chi tiết lập Bảng tổng hợp doanh thu (Biểu 14).

❖ ***Hình thức bán buôn:***

Công ty áp dụng hình thức bán buôn qua kho, khách hàng mua hàng với số lượng nhiều thì xuất hàng từ kho chứ không thông qua cửa hàng bán lẻ, phần lớn những khách hàng này là các công ty, doanh nghiệp khác nhau.

Chứng từ kế toán sử dụng: Phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT, phiếu thu tiền mặt, giấy báo có của ngân hàng, ủy nhiệm chi.

Ví dụ 2.2: Ngày 13/12/2009 xuất kho bán chịu hàng cho Công ty Thép Vạn Lợi, số lượng 51.683 Kg, đơn giá 10.451.68 đồng / Kg, chưa thuế VAT 10%. Từ hợp đồng kinh tế kế toán lập Hóa đơn GTGT 046823 (Biểu 06)

- Căn cứ vào các chứng từ trên kế toán doanh thu bán hàng lập Phiếu kế toán số 45/12 (Biểu 07) với định khoản như sau:

Nợ TK 131: 594.237.076

Có TK 511: 540.215.524

Có TK 3331: 54.021.552

- Căn cứ vào định khoản trên kế toán ghi vào Nhật ký chung (Biểu 08)

- Từ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 511(Biểu 09), Sổ cái TK 131(Biểu 10)

- Đồng thời căn cứ vào Hóa đơn GTGT ghi vào Sổ chi tiết TK 511 (Biểu 11), Sổ chi tiết thanh toán với người mua (Biểu 12).

- Cuối tháng căn cứ vào Sổ chi tiết lập Bảng tổng hợp phải thu khách hàng (Biểu 13), Bảng tổng hợp doanh thu (Biểu 14),

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP**

BẢNG KÊ BÁN LẺ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Ngày 10 tháng 12 năm 2009

Họ tên người bán hàng: Nguyễn Văn Nhân.

Địa chỉ nơi bán hàng: cửa hàng số 1 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

STT	Tên người mua	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá bán lẻ	Thành tiền	Đơn giá bán chưa có VAT	Doanh thu chưa có VAT	Tiền thuế VAT
1	Ngô Hồng	Thép cuộn D6	Kg	1.068	11.540	12.324.720	10.491	11.204.291	1.120.429
		Thép cây vằn D10	Kg	475	11.550	5.486.250	10.500	4.987.500	498.750
2	Vũ Tiến	Thép cuộn D6	Kg	237	11.540	2.734.980	10.491	2.486.346	248.634
		Cộng				20.545.950		18.678.137	1.867.813

Hải Phòng, ngày 10 tháng 12 năm 2009

Kế toán trưởng

Người lập

Biểu 01: Bảng kê bán lẻ hàng hóa

Mẫu số: 01/GTKT – 3LL

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 3: Nội bộ
Ngày 10 tháng 12 năm 2009

QU/2009B

0046818

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần MATEXIM

Địa chỉ: Số 1 Lê Lai – Ngô Quyền - Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại: MS: 0200575118

Họ tên người mua hàng: Khách lẻ

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: CK MS:

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép cây D6 – D16	Kg	1068	10.491	11.204.291
2	Thép cây vằn D10	Kg	475	10.500	4.987.500
3	Thép cuộn D6	Kg	237	10.491	2.486.346
Cộng tiền hàng:					18.678.137
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.867.813
Tổng cộng thanh toán:					20.545.950

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi đồng.

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 02: Hóa đơn giá trị gia tăng 0046818

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: 01 – TT**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

PHIẾU THU

Quyển số: 05
Số: 09
Nợ: 111
Có: 511
Có: 3331

Ngày 10 tháng 12 năm 2009

Họ tên người nộp tiền: Nguyễn Văn Nhân

Địa chỉ: cửa hàng số 1 Lê Lai

Lý do thu: thu tiền bán lẻ hàng hóa

Số tiền: 20.545.950 (Viết bằng chữ:) Hai mươi triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi đồng.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 10 tháng 12 năm 2009

Giám đốc (ký, họ tên, đóng dấu)	**Kế toán trưởng** (Ký, họ tên)	**Người nộp tiền** (ký, họ tên)	**Người lập phiếu** (ký, họ tên)	**Thủ quỹ** (ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Hai mươi triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ:

+ Số tiền quy đổi:

Biểu 03: Phiếu thu số 09

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: 01 – TT**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 35/12

Ngày: 10/12/2009

Nội dung: bán lẻ hàng hóa thu bằng tiền mặt

STT	Diễn giải	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Bán lẻ hàng thu bằng tiền mặt	111	511	18.678.137
	Thuế GTGT đầu ra	111	3331	1.867.813
	Cộng			20.545.950

Số tiền bằng chữ: Hai mươi triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi đồng.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Kế toán trưởng Người lập biểu

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu 04: Phiếu kế toán

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: S03b - DN**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2009

Tên TK: Tiền mặt

Số hiệu: TK 111

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		**5.580.758**	
			…			
10/12	**PK35/12**	**10/12**	**Thu tiền bán lẻ hàng hóa**	**511**	**18.678.137**	
				3331	**1.867.813**	
11/12	PK37/12	11/12	TT tiền điện dùng văn phòng	642		8.250.000
				133		825.000
11/12	PK38/12	11/12	TT cước nâng hạ	641		7.500.000
			Thuế VAT	133		375.000
12/12	PK40/12	12/12	Thanh toán tiền thuê phòng	642		5.278.182
				133		527.818
12/12	PK41/12	12/12	Thu tiền thép bán lẻ	511	12.309.870	
			Thuế VAT	3331	1.230.987	
			….			
			Cộng phát sinh		2.882.983.600	2.875.844.094
			Số dư cuối kỳ		**12.720.264**	

Ngày 31 tháng 12 năm2009.

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đống dấu)

Biểu 05: Sổ cái TK 111

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 3: Nội bộ
Ngày 13 tháng 12 năm 2009

Mẫu số: 01/GTKT – 3LL
QU/2009B
0046823

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần MATEXIM
Địa chỉ: Số 1 Lê Lai – Ngô Quyền - Hải Phòng
Số tài khoản:
Điện thoại: MS: 0200575118

Họ tên người mua hàng: Ngô Văn Đức
Tên đơn vị: Công ty CP Thép Vạn Lợi
Địa chỉ: 1544 Đường 351 thôn Cách Thượng An Dương HP
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: CK MS: 0200820923

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép cây D6 – D16	Kg	51.683	10.452,48	540.215.524
Cộng tiền hàng:					540.215.524
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			54.021.552
Tổng cộng thanh toán:					594.237.076

Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm chin mươi tư triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi sáu đồng.

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 06: Hóa đơn GTGT 046823

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: 01 – TT**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 45/12

Ngày: 10/12/2009

Nội dung: Bán chịu hàng cho Công ty thép Vạn Lợi

STT	Diễn giải	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Bán chịu cho Cty Thép Vạn Lợi	131	511	540.215.524
	Thuế GTGT đầu ra	131	3331	54.021.552
	Cộng			594.237.076

Số tiền bằng chữ: Năm trăm chín mươi tư triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi sáu đồng.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Kế toán trưởng (Ký, họ tên)

Người lập biểu (Ký, họ tên)

Biểu 07: Phiếu kế toán số 45/12

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: S03a - DN**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC*

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			…	…
			Phát sinh trong kỳ				
10/12	**PK35/12**	**10/12**	**Bán lẻ hàng hóa thu tiền mặt**	**111**		**20.545.950**	
					511		**18.678.137**
					3331		**1.867.813**
11/12	PK36/12	11/12	Mua hàng nhập kho	156		391.195.750	
			Thuế VAT đầu vào	133		19.559.788	
			Chưa thanh toán		331		41.755.538
11/12	PK38/12	11/12	Thanh toán cước nâng hạ	641		7.500.000	
				133		375.000	
					111		7.875.000
12/12	PK39/12	12/12	Mua hàng nhập kho	156		1.225.275.000	
			Thuế VAT đầu vào	133		612.637.500	
					331		1.837.912.500
12/12	PK40/12	12/12	Thanh toán tiền thuê phòng	642		5.278.182	
				133		527.818	
					111		5.806.000
			…..				
13/12	**PK45/12**	**13/12**	**Bán hàng cho cty Thép Vạn Lợi**	**131**		**594.237.076**	
					511		**540.215.524**
					3331		**54.021.552**
			Cộng phát sinh			84.200.767.168	84.200.767.168

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Biểu số 8: Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: S03b - DN**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC*

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2009

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: TK 511

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			……..			
10/12	**PK35/12**	**10/12**	**Bán lẻ hàng hóa**	**111**		**18.676.950**
12/12	PK43/12	12/12	Bán hàng cho Cty Nam Sơn	131		189.562.748
12/12	PK44/12	12/12	Bán hàng cho Cty Hoa Lâm	131		54.199.558
13/12	**PK45/12**	**13/12**	**Bán chịu cho Công ty CP Thép Vạn Lợi**	**131**		**540.215.524**
13/12	PK46/12	13/12	Bán hàng cho Cty TN Phương Nam	131		199.420.200
			……..			
31/12	PK126/12	31/12	K/c từ TK 511 sang TK 911	911	10.231.365.269	
			Cộng phát sinh		10.231.365.269	10.231.365.269
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm2009.

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đống dấu)

Biểu 9: Sổ cái TK 511

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: S03b - DN**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2009

Tên TK: Phải thu khách hàng

Số hiệu: TK 131

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		**430.310.701**	**150.000.000**
			…			
13/12	**PK45/12**	**13/12**	**Bán hàng cho cty CP Thép**	**511**	**540.215.524**	
			Vạn Lợi	**3331**	**27.010.776**	
13/12	PK46/12	13/12	Bán hàng cho Cty TN Phương Nam	511	181.291.091	
				3331	18.129.109	
14/12	PK47/12	14/12	Cty Hoa Lâm trả tiền hàng	112		50.698.325
14/12	PK48/12	14/12	Bán hàng cho Cty CP XDCT Đà Nẵng	511	17.605.636	
				3331	1.760.534	
15/12	PK49/12	15/12	Cty thép Vạn Lợi trả tiền	112		440.000.000
15/12	PK50/12	15/12	Cty Anh Thư trả tiền	112		50.866.500
			Cộng phát sinh		6.718.062.155	4.818.426.000
			Số dư cuối kỳ		**2.179.946.856**	

Ngày 31 tháng 12 năm2009.

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đống dấu)

Biểu 10: Sổ cái TK 131

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: S35 - DN**
Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tháng 12 năm 2009

TK: 5111

Tên sản phẩm, hàng hóa: Thép cây D6-D16

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu				Các khoản tính trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Thuế	Khác (521, 531, 532)
							Nợ	Có		
			……..							
10/12	**PK35/12**	**10/12**	**Bán lẻ hàng hóa**	**111**	**1.068**	**10.491**		**11.204.291**		
12/12	PK43/12	12/12	Bán hàng cho Cty Nam Sơn	131	6.873	10.492		72.109.418		
12/12	PK44/12	12/12	Bán hàng cho Cty Hoa Lâm	131	2.235	10.492		23.449.620		
13/12	**PK45/12**	**13/12**	**Bán cho Cty thép Vạn Lợi**	**131**	**51.683**	**10.452,48**		**540.215.524**		
13/12	PK46/12	16/12	Bán cho Cty Phương Nam	131	5.560	10.453		58.118.680		
			…..							
			Cộng SPS trong kỳ		144.712		1.588.512.225	1.588.512.225		
			Số dư cuối kỳ							

Biểu 11: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: S31 - DN**
Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

TK: 131

Đối tượng: Công ty CP Thép Vạn Lợi

Loại tiền : VNĐ

Tháng 12 năm 2009

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Thời hạn được Ckhấu	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					**158.056.300**	
			…					…	
13/12	**PK45/12**	**13/12**	**Phải thu của công ty**		**511**	**540.215.524**		1.240.215.524	
					3331	**54.021.552**		1.294.237.076	
14/12	PK48/12	14/12	Công ty đã thanh toán		112		450.000.000	844.237.076	
16/12	PK54/12	16/12	Phải thu của công ty		511	22.215.706		866.452.782	
					3331	2.221.571		868.674.353	
			….					…	
			Cộng SPS trong kỳ			1.898.651.043	1.200.000.000	856.707.343	
			Số dư cuối kỳ					**856.707.343**	

Biểu 12: Sổ chi tiết thanh toán với người mua

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền – HP**

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu: 131

Tháng 12 năm 2009

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	**Cty CP Thép Vạn Lợi**	**158.056.300**		**1.898.651.043**	**1.200.000.000**	**856.707.343**	
2	Cty CP ĐTTM Nam Sơn			428.225.463	428.000.000	225.463	
3	Công ty Hoa Lâm			101.551.420	101.551.420	-	
4	Cty CP XDCT Đà Nẵng		50.000.000	802.352.683	660.000.000	92.352.683	
5	Cty TN Phương Nam	205.206.331		1.171.997.227	891.643.000	485.560.558	
6	Cty TNHH Anh Thư		100.000.000	985.148.963	440.866.500	444.282.463	
	….			…	…		
	Cộng	430.310.701	150.000.000	6.718.062.155	4.818.426.000	2.179.946.856	

Biểu 13: Bảng tổng hợp thanh toán với người mua

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền – HP**

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG

Tài khoản: Doanh thu bán hàng

Số hiệu: 511

Tháng 12 năm 2009

STT	SHTK	Tên	Số tiền
1	51111	Doanh thu bán thép cây D6 – D16	1.588.512.225
2	51112	Doanh thu bán thép cây D18 – D32	938.874.356
3	51113	Doanh thu bán thép cây vằn SD295	1.550.874.954
4	51114	Doanh thu bán thép cuộn	1.063.352.683
5	51115	Doanh thu bán thép ống, thép công nghiệp	2.556.260.420
6	51116	Doanh thu bán vật liệu xây dựng khác	1.659.296.834
7	51117	Doanh thu bán phế liệu, kim loại màu	874.193.797
Cộng			10.231.365.269

Ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Người lập	Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu 14: Bảng tổng hợp doanh thu bán hàng.

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

- **Tài khoản và chứng từ kế toán sử dụng**

- Tài khoản sử dụng: Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản này được mở để theo dõi giá vốn hàng hóa tại công ty. Ngoài ra TK 632 còn được doanh nghiệp mở một số TK cấp 2 như sau:

TK 6321: Giá vốn thép cây D6 – D16

TK 6322: Giá vốn thép cây D18 – D32

TK 6323: Giá vốn thép cây vằn SD295

TK 6324: Giá vốn thép cuộn

TK 6325: Giá vốn thép ống, thép công nghiệp

TK 6326: Giá vốn vật liệu xây dựng khác

TK 6327: Giá vốn phế liệu, kim loại màu

- Chứng từ kế toán sử dụng: Phiếu xuất kho, Hóa đơn giá trị gia tăng, Các chứng từ khác có liên quan…

➢ **Quy trình ghi sổ**

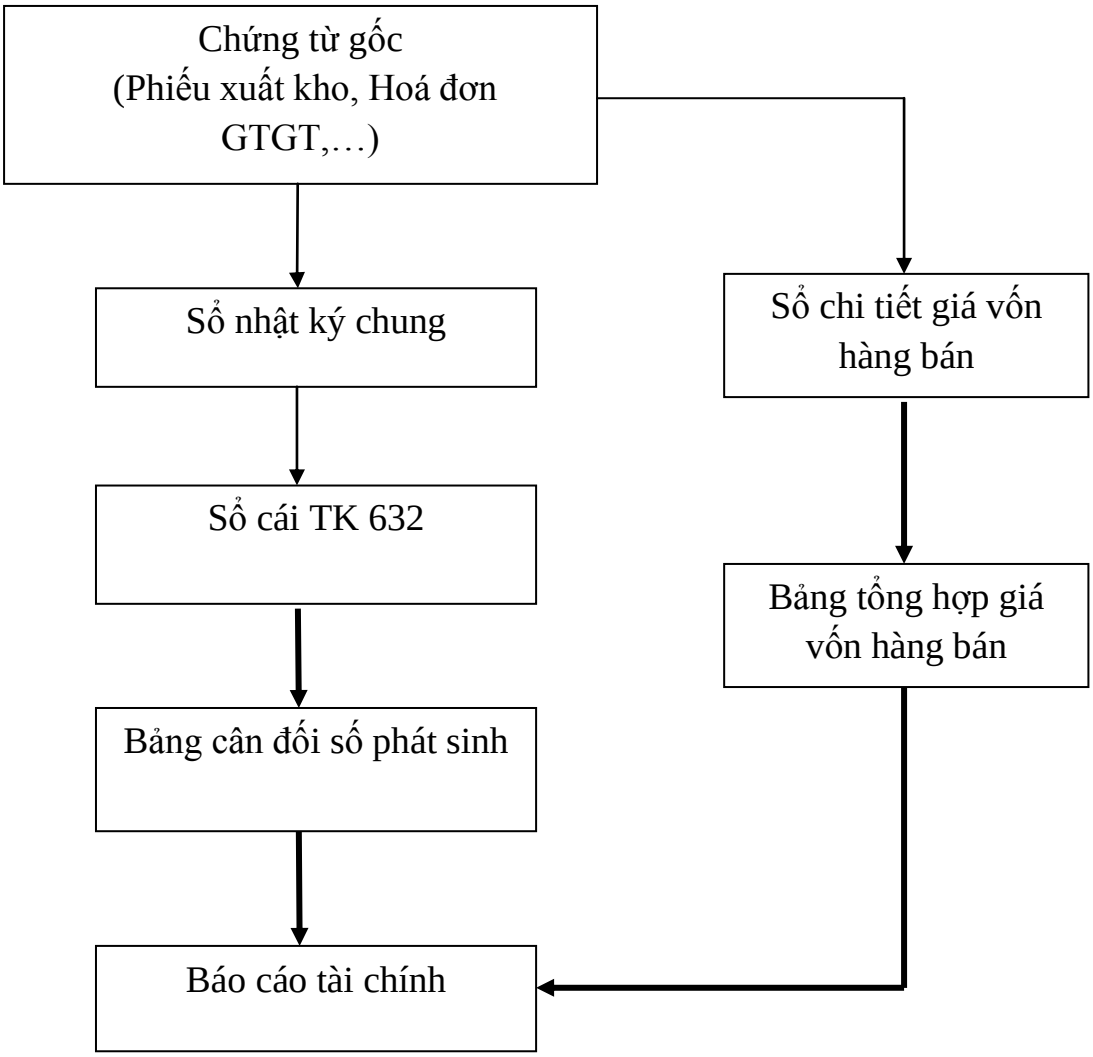

Ghi chú: ⟶ Ghi hàng ngày

⟹ Ghi định kỳ

Sơ đồ 15: Trình tự ghi sổ sách kế toán giá vốn hàng bán.

➢ Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng có cách hạch toán giá vốn như sau:

Giá thực tế của hàng xuất bán = Số lượng hàng hoá xuất bán x Giá bình quân gia quyền cả kỳ

Trong đó:

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng thực tế tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}$$

Vì công ty tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ nên cuối kỳ kế toán mới tính được giá vốn, sau đó ghi nhận vào các sổ sách có liên quan: Nhật ký chung, Sổ cái TK 632.

Khi đã xác định được tổng số phát sinh bên nợ của TK 632, kế toán tiến hành kết chuyển tổng giá vốn hàng xuất bán TK 632 sang bên Nợ của TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Ví dụ 2.3: Ví dụ kế toán tính giá vốn của thép cuộn D6:

- Số lượng tồn đầu kỳ: 315.405 kg
- Số lượng nhập trong kỳ: 1.163.933 Kg
- Trị giá thực tế tồn đầu kỳ: 3.217.207.049 đồng
- Trị giá thực tế nhập trong kỳ: 11.614.521.125 đồng

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ của thép cuộn D6 (đồng/Kg)} = \frac{3.217.207.049 + 11.614.521.125}{315.405{,}00 + 1.163.933{,}00} = 10.025{,}92$$

Ngày 13/12/2009 xuất kho bán chịu hàng cho Công ty Thép Vạn Lợi, số lượng 51.683 Kg, đơn giá 10.451.68 đồng / Kg, chưa thuế VAT 10%.

- Kế toán viết phiếu xuất kho (Biểu 15)
- Cuối tháng kế toán tính giá vốn từng loại hàng xuất kho ghi vào phiếu kế toán (Biểu 16)
- Căn cứ vào phiếu kế toán, kế toán ghi Sổ Nhật ký chung (Biểu 17)
- Từ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 632 (Biểu 18)
- Căn cứ Phiếu xuất kho kế toán vào Sổ chi tiết giá vốn hàng bán (Biểu 19)
- Cuối tháng căn cứ vào Sổ chi tiết giá vốn hàng bán, kế toán lập Bảng tổng hợp giá vốn hàng bán (Biểu 20).

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: 02 - VT**
Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

PHIẾU XUẤT KHO

Nợ: TK 632
Có: TK 156

Ngày 13 tháng 12 năm 2009

Số: 17

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Chiến Thắng

Địa chỉ (bộ phận):

Lý do xuất kho: bán hàng

Xuất tại kho: kho công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thép cuộn D6 – D16		Kg	51.683	51.683		
	Cộng			51.683	51.683		

Tổng số tiền (Viết bằng chữ):

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 13 tháng 12 năm 2009

Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu 15: Phiếu xuất kho

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: 01 – TT**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 120/12

Ngày: 31/12/2009

Nội dung: Tính giá vốn xuất kho tháng 12 năm 2009

STT	Diễn giải	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Giá vốn của thép cây D6 - D16	6321	15611	1.450.874.945
2	Giá vốn của thép cây D18-D32	6322	15612	802.352.683
3	Giá vốn thép cây vằn SD295	6323	15613	1.408.512.225
4	Giá vốn thép cuộn	6324	15614	901.551.420
5	Giá vốn thép ống, thép công nghiệp	6325	15615	2.481.352.918
6	Giá vốn vật liệu xây dựng khác	6326	15616	1.556.260.496
7	Giá vốn phế liệu, kim loại màu	6327	15617	763.743.093
	Cộng			9.364.647.780

Số tiền bằng chữ: Chín tỷ ba trăm sáu mươi tư triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi đồng.

Kèm theo: chứng từ gốc

Kế toán trưởng Người lập biểu

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu 16 : Phiếu kế toán

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: S03a - DN**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC*

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				
			Phát sinh trong kỳ			….	….
31/12	**PK120/12**	**31/12**	**Giá vốn hàng xuất**	**632**		**9.364.647.780**	
			kho tháng 12		**156**		**9.364.647.780**
31/12	PK121/12	31/12	Tính ra bảo hiểm trả	138		444.511	
			cho người lao động		334		444.511
31/12	PK122/12	31/12	Tính ra lương phải	641		81.400.000	
			trả tháng 12	642		99.900.000	
					334		181.300.000
31/12	PK122/12	31/12	Các khoản trích theo	641		7.292.230	
			lương tính vào chi	642		10.807.060	
			phí		338		18.099.290
31/12	PK123/12	31/12	Các khoản trừ vào	334		5.108.220	
			lương		338		5.108.220
31/12	PK124/12	31/12	Lãi nhập gốc tháng	112		2.029.340	
			12		515		2.029.340
			Cộng phát sinh			84.200.767.168	84.200.767.168

Ngày 31tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ (ký, họ tên) **Kế toán trưởng** (Ký, họ tên) **Giám đốc** (ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 17: Nhật ký chung

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: S03b - DN**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2009

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: TK 632

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
31/12	PK 120/12	31/12	Giá vốn xuất kho của hàng hóa tháng 12	156	9.364.647.780	
31/12	PK 126/12	31/12	Kết chuyển từ TK 632 sang TK 911	911		9.364.647.780
			Cộng phát sinh		9.364.647.780	9.364.647.780
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm2009

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đống dấu)

Biểu 18: Sổ cái TK 632

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền – HP**

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

TK: 6321

Tên sản phẩm, hàng hóa: Thép cây D6-D16

Tháng 12 năm 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Giá vốn hàng bán		
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
10/12	**PK35/12**	**10/12**	**Bán lẻ hàng hóa**	**111**	**1.068**	10.025,92	10.707.683
12/12	PK43/12	12/12	Bán hàng cho Cty Nam Sơn	131	6.873	10.025,92	68.908.148
12/12	PK44/12	12/12	Bán hàng cho Cty Hoa Lâm	131	2.235	10.025,92	22.407.931
13/12	**PK45/12**	**13/12**	**Bán cho Cty thép Vạn Lợi**	**131**	**51.683**	10.025,92	518.169.623
			……				
			Giá vốn xuất kho	1561	144.712	10.025,92	1.450.874.945
			Cộng		144.712		1.450.874.945

Biểu 19: Sổ chi tiết giá vốn hàng hóa

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền – HP**

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Tháng 12 năm 2009

STT	SHTK	Tên	Số tiền
1	6321	Giá vốn thép cây D6 – D16	1.450.874.945
2	6322	Giá vốn thép cây D18 – D32	802.352.683
3	6323	Giá vốn thép cây vằn SD295	1.408.512.225
4	6324	Giá vốn thép cuộn	901.551.420
5	6325	Giá vốn thép ống, thép công nghiệp	2.481.352.918
6	6326	Giá vốn vật liệu xây dựng khác	1.556.260.496
7	6327	Giá vốn phế liệu, kim loại màu	763.743.093
	632	Cộng	9.364.647.780

Ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Người lập	Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu 20: Bảng tổng hợp giá vốn hàng bán.

2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- Bảng trích khấu hao tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.3.2. Tài khoản kế toán sử dụng

- Tài khoản 641: Chi phí bán hàng

Tài khoản 641 được doanh nghiệp mở nhằm theo dõi các khoản chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng, tiêu thụ sản phẩm như: tiền lương, phụ cấp trả cho nhân viên bán hàng, các khoản trích lương theo quy định; chi phí về công cụ, dụng cụ tính toán, làm việc ở khâu bán hàng; chi phí khấu hao tài sản cố định như nhà kho, cửa hàng, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ…; chi phí bằng tiền khác như chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng,…

- Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản 642 được doanh nghiệp mở để theo dõi các khoản chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn Công ty như: tiền lương, phụ cấp trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của công ty, các khoản trích lương theo quy định; chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý của công ty; chi phí khấu hao tài sản cố định như văn phòng làm việc, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn, …; các loại thuế như thuế nhà đất, thuế môn bài, các khoản phí, lệ phí như giao thông, cầu phà; chi phí bằng tiền khác như chi phí tiếp khách, công tác phí, phí đào tạo cán bộ…

2.2.3.3. Quy trình hạch toán:

Để hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp kế toán sử dụng các chứng từ có liên quan như bảng tính lương, bảng phân bổ lương, bảng tính và phân bổ khấu hao, các hoá đơn GTGT mua hàng hoá dịch vụ phuc vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp và bán hàng.

Dựa vào chứng từ gốc, kế toán ghi sổ nhật ký chung. Từ sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ cái TK 641, TK 642 và các tài khoản khác liên quan như TK 111, 214, 334,..

Cuối kỳ kế toán dựa vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính

Ví dụ 2.4: Hàng tháng dựa vào Bảng phân bổ tiền lương (Biểu 21) kế toán vào các sổ sách có liên quan: Phiếu kế toán (Biểu 22); Sổ Nhật ký chung (Biểu 23); Sổ cái TK 641 (Biểu 24)

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền – HP**

BẢNG PHÂN BỔ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

THÁNG 12 NĂM 2009

STT	Đối tượng	TK 334					TK 338				Tổng cộng
		Lương	Phụ cấp	Trách nhiệm	Thêm giờ	Tổng	BHXH	BHYT	KPCĐ	Tổng	
1	TK 641	64.000.000	13.300.000	4.100.000	5.869.530	87.269.530	4.997.850	666.380	1.745.391	7.409.621	**94.679.151**
2	TK 642	76.900.000	16.300.000	4.700.000	3.826.034	101.160.850	7.772.700	1.036.360	2.023.217	10.832.277	**111.993.127**
3	TK 334						4.256.850	851.370		5.108.220	**5.108.220**
	Cộng	**140.900.000**	**29.600.000**	**8.800.000**	**9.695.564**	**188.430.380**	**17.027.400**	**2.554.110**	**3.768.608**	**23.350.118**	**211.780.498**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Biểu 21: Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: 01 – TT**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 122/12

Ngày: 31/12/2009

Nội dung: Cuối tháng tính lương phải trả người lao động và các khoản trích theo lương tính vào chi phí.

STT	Diễn giải	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Tính ra lương phải trả tháng 12	641	334	87.269.530
		642	334	101.160.850
2	Các khoản trích theo lương tính vào chi phí	641	338	7.409.621
		642	338	10.832.277
	Cộng			206.672.278

Số tiền bằng chữ: Hai trăm linh sáu triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Kế toán trưởng (Ký, họ tên)

Người lập biểu (Ký, họ tên)

Biểu 22: Phiếu kế toán

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: S03a - DN**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC*

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				
			Phát sinh trong kỳ			….	….
31/12	PK120/12	31/12	Giá vốn hàng xuất kho	632		9.364.647.780	
					156		9.364.647.780
31/12	PK121/12	31/12	Tính ra bảo hiểm trả cho người lao động	138		444.511	
					334		444.511
31/12	**PK122/12**	**31/12**	**Tính ra lương phải trả tháng 12**	**641**		**87.269.530**	
				642		**101.160.850**	
					334		**188.430.380**
31/12	**PK122/12**	**31/12**	**Các khoản trích theo lương tính vào chi phí**	**641**		**7.409.621**	
				642		**10.832.277**	
					338		**18.241.898**
31/12	PK123/12	31/12	Các khoản trừ vào lương	334		5.108.220	
					338		5.108.220
31/12	PK/126/12	31/12	K/c từ 511 sang 911	511		10.231.365.269	
					911		10.231.365.269
			Cộng phát sinh			84.200.767.168	84.200.767.168

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 23: Nhật ký chung

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: S03b - DN**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC*

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2009

Tên TK: Chi phí bán hàng

Số hiệu: TK 641

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			….			
27/12	PK85/12	27/12	Phí chuyển tiền	112	20.020	
29/12	PK92/12	29/12	Chi phí xăng dầu	111	1.0904.500	
30/12	PK108/12	30/12	Chi phí bốc dỡ hàng hóa	111	1.095.000	
30/12	PK109/12	30/12	Chi phí giao nhận hàng hóa	111	2.543.000	
31/12	**PK122/12**	**31/12**	**Tính ra lương phải trả tháng12**	**334**	**87.269.530**	
31/12	**PK122/12**	**31/12**	**Các khoản trích theo lương tính vào chi phí**	**338**	**7.409.621**	
31/12	PK126/12	31/12	Cuối tháng kết chuyển 641	911		365.879.010
			Cộng phát sinh		365.879.010	365.879.010
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đống dấu)

Biểu 24: Sổ cái TK 641

Ví dụ 2.6: Ngày 16 tháng 12 năm 2009 thay mới 20 ghế văn phòng. Theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 029539 (Biểu 25), kế toán vào các sổ sách có liên quan.

- Phiếu kế toán (Biểu 26)
- Sổ Nhật ký chung (Biểu 27)
- Sổ cái TK 642 (Biểu 28)

Mẫu số: 01/GTKT – 3LL

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: Giao khách hàng
Ngày 16 tháng 12 năm 2009

PQ/2009B
0029539

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Vĩnh Khang
Địa chỉ: 152 Lê Thánh Tông – Ngô Quyền – Hải Phòng
Số tài khoản:
Điện thoại: MS:

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng
Địa chỉ: Số 1 Lê Lai – Ngô Quyền - Hải Phòng
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: CK MS: 0200575118

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Ghế văn phòng	Chiếc	20	200.000	4.000.000
Cộng tiền hàng:					4.000.000
Thuế suất GTGT: 10%	Tiền thuế GTGT:				400.000
	Tổng cộng thanh toán:				4.400.000

Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 25: Hóa đơn GTGT số 029539

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: 01 – TT**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 58/12

Ngày: 16/12/2009

Nội dung: Mua mới 20 ghế văn phòng dùng cho quản lý doanh nghiệp, đã thanh toán bằng tiền mặt.

STT	Diễn giải	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Mua mới 20 ghế văn phòng,	153	111	4.000.000
	Thuế VAT đầu vào	133	111	400.000
2	Ghế văn phòng dùng cho quản lý doanh nghiệp	642	153	4.000.000
	Cộng			8.400.000

Số tiền bằng chữ: Tám triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: chứng từ gốc

Kế toán trưởng Người lập biểu

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu 26: Phiếu kế toán

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: S03a – DN**
Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			…	…
			Phát sinh trong kỳ				
11/12	PK38/12	11/12	Thanh toán cước nâng hạ	641		7.500.000	
				133		375.000	
					111		
12/12	PK39/12	12/12	Mua hàng nhập kho	156		1.225.275.000	
			Thuế VAT đầu vào	133		612.637.500	
					331		1.837.912.500
12/12	PK40/12	12/12	Thanh toán tiền thuê phòng	642		5.278.182	
				133		527.818	
					111		5.806.000
13/12	PK45/12	13/12	Bán hàng cho cty Thép Vạn Lợi	131		594.237.076	
					511		540.215.524
					3331		54.021.552
			…..				
16/12	**PK58/12**	**16/12**	**Mua mới 20 ghế văn phòng, thanh toán bằng tiền mặt**	**153**		**4.000.000**	
				133		**400.000**	
					111		**4.400.000**
			Ghế văn phòng dùng cho QLDN	**642**		**4.000.000**	
					153		**4.000.000**
			……				
			Cộng phát sinh			84.200.767.168	84.200.767.168

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Biểu 27: Nhật ký chung

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: S03b - DN**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC*

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2009

Tên TK: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: TK 642

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		**-**	**-**
			….			
12/12	PK40/12	12/12	Thanh toán tiền thuê phòng	111	5.278.182	
16/12	**PK58/12**	**16/12**	**Mua mới ghế văn phòng**	**153**	**4.000.000**	
17/12	PK59/12	17/12	Thanh toán phí tiếp khách	111	1.200.000	
18/12	PK62/12	18/12	Phí chuyển tiền	112	344.143	
			….			
31/12	PK122/12	31/12	Tính ra lương phải trả tháng 12	334	101.160.850	
31/12	PK122/12	31/12	Các khoản trích theo lương tính vào chi phí	338	10.832.277	
31/12	PK126/12	31/12	Kết chuyển TK 642	911		184.030.356
			Cộng phát sinh		184.030.356	184.030.356
			Số dư cuối kỳ		**-**	**-**

Ngày 31 tháng 12 năm2009.

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đống dấu)

Biểu 28: Sổ cái TK 642

2.2.4. Kế toán doanh thu và chi phí tài chính.

- **Nội dung doanh thu và chi phí tài chính:**

- Doanh thu tài chính: dựa trên những nguồn lực cũng như thế mạnh của công ty, công ty nhằm tăng thu nhập và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng đã có những hoạt động đầu tư tài chính như mua bán chứng khoán, cho thuê kho bãi.

- Chi phí hoạt động tài chính: công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng không phát sinh nhiều chi phí tài chính cho hoạt động tài chính của công ty, hoạt động tài chính chủ yếu là các chi phí liên quan đến việc mua bán chứng khoán và trả lãi vay ngân hàng hàng tháng.

- **Chứng từ và tài khoản kế toán sử dụng:**

- Chứng từ kế toán: Giấy báo lãi của ngân hàng, Giấy báo trả tiền lãi vay, và các chứng từ khác có liên quan,…

- Tài khoản kế toán sử dụng:

+ Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính:

+ Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính:

- **Quy trình hạch toán:**

Để hạch toán chi phí hoạt động tài chính và doanh thu hoạt động tài chính thì kế toán sử dụng các chứng từ liên quan như giấy báo trả lãi vay, giấy báo lãi của ngân hàng,…

Dựa vào chứng từ gốc kế toán ghi sổ nhật ký chung. Từ sổ nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái TK 515, TK 635 và các tài khoản khác có liên quan. Cuối kỳ kê toán dựa vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính

Ví dụ 2.6: Ngày 31 tháng 12 năm 2009, Ngân hàng thương mại Á Châu gửi giấy báo cho công ty về số tiền lãi gửi ngân hàng. Kế toán căn cứ vàoSổ phụ và Giấy báo có của ngân hàng (Biểu 29) để vào các chứng từ sổ sách sau: Phiếu kế toán (Biểu 30); Sổ Nhật ký chung (Biểu 33); Sổ cái TK 515 (Biểu 34).

Ngân hàng thương mại Á Châu
ASIA COMMERCIAL BANK

SỔ PHỤ VND

Ngày: 31/12/2009
Tài khoản: 0200820923

Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng

Diễn giải		GHI NỢ	GHI CÓ
	Số dư đầu ngày		…
##Lãi nhập tiền gửi##			2.029.340
	Tổng số phát sinh ngày	0	2.029.340
	Số dư cuối ngày		…

Giao dịch viên **KIỂM SOÁT**

Ngân hàng thương mại Á Châu MÃ GDV: BATCH
ASIA COMMERCIAL BANK MÃ KH: 10366

GIẤY BÁO CÓ

Số GD: 1579

Ngày: 31/12/2009

Kính gửi: Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách có nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 0200820923

Số tiền bằng số: 2.029.340

Số tiền bằng chữ: Hai triệu không trăm hai mươi chin nghìn ba trăm bốn mươi VND

Nội dung: ## LÃI NHẬP GỐC ##

GIAO DỊCH VIÊN **KIỂM SOÁT**

Biểu 29: Sổ phụ và Giấy báo có

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: 01 – TT**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền – HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 124/12

Ngày: 31/12/2009

Nội dung: Lãi tiền gửi tháng 12.

STT	Diễn giải	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Lãi nhập gốc tháng 12	112	515	2.029.340
	Cộng			2.029.340

Số tiền bằng chữ: Hai triệu không trăm hai mươi chin nghìn ba trăm bốn mươi đồng.

Kèm theo: chứng từ gốc

Kế toán trưởng Người lập biểu

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu 30: Phiếu kế toán

Ví dụ 2.7: Ngày 31 tháng 12 năm 2009, ngân hàng gửi giấy báo trả lãi tiền vay. Kế toán căn cứ vào Sổ phụ và Giấy báo Nợ của ngân hàng (Biểu 31) để vào các chứng từ sổ sách sau: Phiếu kế toán (Biểu 32); Sổ Nhật ký chung (Biểu 33); Sổ cái TK 635 (Biểu 34)

Ngân hàng thương mại Á Châu
ASIA COMMERCIAL BANK

SỔ PHỤ VND

Ngày: 31/12/2009

Tài khoản: 0200820923

Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng

Diễn giải		GHI NỢ	GHI CÓ
	Số dư đầu ngày	…	
##Lãi tiền vay##		2.544.333	
	Tổng số phát sinh ngày	2.544.333	0
	Số dư cuối ngày	…	

SỔ PHỤ **KIỂM SOÁT**

Ngân hàng thương mại Á Châu MÃ GDV: BATCH
ASIA COMMERCIAL BANK MÃ KH: 10366

GIẤY BÁO NỢ Số GD: 1580

Ngày: 31/12/2009

Kính gửi: Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách có nội dung sau:

Số tài khoản ghi NỢ: 0200820923

Số tiền bằng số: 2.544.333

Số tiền bằng chữ: Hai triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi ba VND.

Nội dung: ## LÃI TIỀN VAY ##

GIAO DỊCH VIÊN **KIỂM SOÁT**

Biểu 31: Sổ phụ và Giấy báo nợ

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: 01 – TT**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 125/12

Ngày: 31/12/2009

Nội dung: Thanh toán lãi tiền vay tháng 12.

STT	Diễn giải	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Lãi tiền vay tháng 12	635	112	2.544.333
	Cộng			2.544.333

Số tiền bằng chữ: Hai triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi ba đồng.

Kèm theo: chứng từ gốc

Kế toán trưởng Người lập biểu

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu 32: Phiếu kế toán

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: S03a - DN**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC*

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			…	…
			Phát sinh trong kỳ				
31/12	PK121/12	31/12	Tính ra bảo hiểm trả cho người lao động	138		444.511	
					334		444.511
31/12	PK122/12	31/12	Tính ra lương phải trả tháng 12	641		81.400.000	
				642		99.900.000	
					334		181.300.000
31/12	PK122/12	31/12	Các khoản trích theo lương tính vào chi phí	641		7.292.230	
				642		10.807.060	
					338		18.099.290
31/12	PK123/12	31/12	Các khoản trừ vào lương	334		5.108.220	
					338		5.108.220
31/12	**PK124/12**	**31/12**	**Lãi nhập gốc tháng 12**	**112**		**2.029.340**	
					515		**2.029.340**
31/12	**PK125/12**	**31/12**	**Lãi tiền vay tháng 12**	**635**		**2.544.333**	
					112		**2.544.333**
31/12	PK126/12	31/12	K/c từ 511 sang 911	511		10.231.365.269	
					911		10.231.365.269
			….				
			Cộng phát sinh			84.200.767.168	84.200.767.168

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Biểu 33: Nhật ký chung

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: S03b - DN**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2009

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: TK 515

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		**-**	**-**
31/12	PK124/12	**31/12**	**Lãi nhập gốc tháng 12**	**112**		**2.029.340**
			…			…
31/12	PK126/12	31/12	Cuối kỳ kết chuyển	911	18.730.623	
			Cộng phát sinh		18.730.623	18.730.623
			Số dư cuối kỳ		**-**	**-**

Ngày 31 tháng 12 năm2009.

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: S03b - DN**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2009

Tên TK: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu: TK 635

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		**-**	**-**
31/12	PK125/12	**31/12**	**Lãi tiền vay tháng 12**	**112**	**2.544.333**	
			…		…	
31/12	PK126/12	31/12	Cuối kỳ kết chuyển	911		23.926.117
			Cộng phát sinh		23.926.117	23.926.117
			Số dư cuối kỳ		**-**	**-**

Ngày 31 tháng 12 năm2009.

Biểu 34: Sổ cái TK 515; Sổ cái TK 635

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.5.1. Nội dung thu nhập khác và chi phí khác.

- Thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên như: thanh lý nhượng bán tài sản cố định, xử lý tài sản thừa, thu nhập năm trước bỏ sót hay quên ghi sổ năm nay phát hiện ra,…

- Chi phí khác bao gồm các khoản chi cho các hoạt động xảy ra không thường xuyên như: số tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng, bị phạt thuế, bị truy thu thuế, giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán,…

2.2.5.2. Chứng từ và tài khoản kế toán sử dụng:

- Chứng từ kế toán:

+ Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

+ Biên bản bị phạt do vi phạm hợp đồng,…

+ Các chứng từ khác có liên quan

- Tài khoản kế toán sử dụng:

+ Tài khoản 711- Thu nhập khác

+ Tài khoản 811 - Chi phí khác

2.2.5.3. Quy trình ghi sổ:

Để hạch toán các khoản chi phí khác và thu nhập khác, kế toán sử dụng các chứng từ như là biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định,…

Dựa vào chứng từ gốc, kế toán vào sổ nhật ký chung. Từ sổ nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái các TK 711, TK 811 và các tài khoản khác liên quan như TK 111, 211,… Cuối kỳ kê toán dựa vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

Ví dụ 2.8: Ngày 17 tháng 12 năm 2009, công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng thanh lý nhượng bán một xe ô tô con biển số 16L 5492. Căn cứ vào Biên bản thanh lý tài sản cố định (Biểu 35) và các chứng từ khác kế toán ghi Hóa đơn GTGT khi nhượng bán TSCĐ (Biểu 36)

- Từ các chứng từ trên kế toán ghi vào Phiếu kế toán (Biểu 37)

- Căn cứ cào Phiếu kế toán, kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 38)

- Từ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 711, TK 811 (Biểu 39)

Đơn vị: Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng **Mẫu số:02-TSCĐ**

Bộ phận: ***(****Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC*

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 17 tháng 12 năm 2009

Số:…….

Căn cứ QĐ số:….Ngày…tháng…năm… của….về việc thanh lý TSCĐ

1. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

- Bà: Tạ Bích Loan – Kế toán trưởng

- Ông: Lê Hoàng Nam – Kế toán viên

2. Tiến hành thanh lý TSCĐ:

-Tên TSCĐ: Xe ô tô con 16L 5492

-Nước sản xuất:

-Năm sản xuất:

-Năm đưa vào sử dụng: ……..Số thẻ TSCĐ:…….

-Nguyên giá TSCĐ: 632.000.000 đồng

-Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 371.661.111 đồng

-Giá trị còn lại của TSCĐ: 260.338.889 đồng

3. Kết luận của ban thanh lý TSCĐ:……

Ngày 17 tháng 12 năm 2009

Trưởng ban thanh lý

(Ký,họ tên)

4. Kết quả thanh lý TSCĐ

-Chi phí thanh lý TSCĐ: (viết bằng chữ)

-Giá trị thu hồi: (viết bằng chữ)

-Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày…tháng…năm…

Ngày 17 tháng 12 năm 2009

Giám đốc	Kế toán trưởng
(Ký,họ tên,đóng dấu)	(Ký,họ tên)

Biểu 35: Biển bản thanh lý TSCĐ

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01/GTKT – 3LL
QU/2009B
0046833

Liên 3: Nội bộ

Ngày 17 tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần MATEXIM

Địa chỉ: Số 1 Lê Lai – Ngô Quyền - Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại: MS: 0200575118

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn An

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: CK MS:

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thanh lý, nhượng bán xe ô tô con biển số 16L 5492	Chiếc	01	280.000.000	280.000.000
Cộng tiền hàng:					280.000.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					28.000.000
Tổng cộng thanh toán:					308.000.000

Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm linh tám triệu đồng chẵn.

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 36: Hóa đơn GTGT 046833

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: 01 – TT**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 60/12

Ngày: 17/12/2009

Nội dung: Thanh lý, nhượng bán xe ô tô con 16L4592

STT	Diễn giải	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Hao mòn TSCĐ	214	211	371.661.111
	Giá trị còn lại của TSCĐ	811	211	260.338.889
2	Nhượng bán TSCĐ	112	711	280.000.000
	Thuế GTGT đầu ra	112	3331	28.000.000
	Cộng			940.000.000

Số tiền bằng chữ: Chín trăm bốn mươi triệu đồng chẵn.

Kèm theo: chứng từ gốc

Kế toán trưởng Người lập biểu

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu 37: Phiếu kế toán

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: S03a - DN**
Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			…	…
			Phát sinh trong kỳ				
			…..				
13/12	PK45/12	13/12	Bán hàng cho cty Thép Vạn Lợi	131		594.237.076	
					511		540.215.524
					3331		54.021.552
			….				
16/12	PK58/12	16/12	Mua mới 20 ghế văn phòng, thanh toán bằng tiền mặt	153		4.000.000	
				133		400.000	
					111		4.400.000
16/12	PK58/12	16/12	Ghế văn phòng dùng cho QLDN	642		4.000.000	
					153		4.000.000
17/12	PK59/12	17/12	Thanh toán phí tiếp khách	642		1.200.000	
					111		1.200.000
17/12	**PK60/12**	**17/12**	**Biên bản thanh lý TSCĐ**	**214**		**371.661.111**	
				811		**260.338.889**	
					211		**632.000.000**
17/12	**PK60/12**	**17/12**	**Nhượng bán TSCĐ thu bằng tiền gửi**	**112**		**308.000.000**	
					711		**280.000.000**
					3331		**28.000.000**
			…				
			Cộng phát sinh			84.200.767.168	84.200.767.168

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Biểu 38: Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: S03b - DN**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2009

Tên TK: Thu nhập khác

Số hiệu: TK 711

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
16/12	PK60/12	16/12	Nhượng bán TSCĐ	112		280.000.000
31/12	PK126/12	31/12	Cuối kỳ kết chuyển	911	280.000.000	
			Cộng phát sinh		280.000.000	280.000.000
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm2009.

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: S03b - DN**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2009

Tên TK: Chi phí khác

Số hiệu: TK 811

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
16/12	PK60/12	16/12	Biên bản thanh lý TSCĐ	211	260.338.889	
31/12	PK126/12	31/12	Cuối kỳ kết chuyển	911		260.338.889
			Cộng phát sinh		260.338.889	260.338.889
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm2009.

Biểu 39: Sổ cái TK 711, TK811

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:

Do đặc điểm kinh doanh trong lĩnh vực thương mại với nhiều mặt hàng, chủng loại và số lượng nghiệp vụ phát sinh nhiều nên việc xác định kết quả kinh doanh được xác định vào cuối mỗi tháng và do kế toán tổng hợp chịu trách nhiệm. Căn cứ vào các chứng từ sổ sách do kế toán viên đưa lên kế toán tổng hợp phân tích các chỉ tiêu và lập báo cáo tài chính.

Để xác định kết quả kinh doanh kế toán tổng hợp số liệu đồng thời thực hiện các bút toán kết chuyển. Cuối mỗi tháng kế toán tổng hợp số liệu trên nhật ký chung và sổ cái tài khoản 911. Báo cáo tài chính được lập vào mỗi quý và cuối năm sẽ tổng hợp số liệu cả năm để lập báo cáo tài chính năm.

Cuối tháng 12, kế toán tổng hợp số liệu, xác định kết quả kinh doanh (Biểu 40).

Căn cứ vào Phiếu kế toán 126/12 (Biểu 41), kế toán ghi vào Nhật ký chung (Biểu 42).

Từ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 911 (Biểu 43).

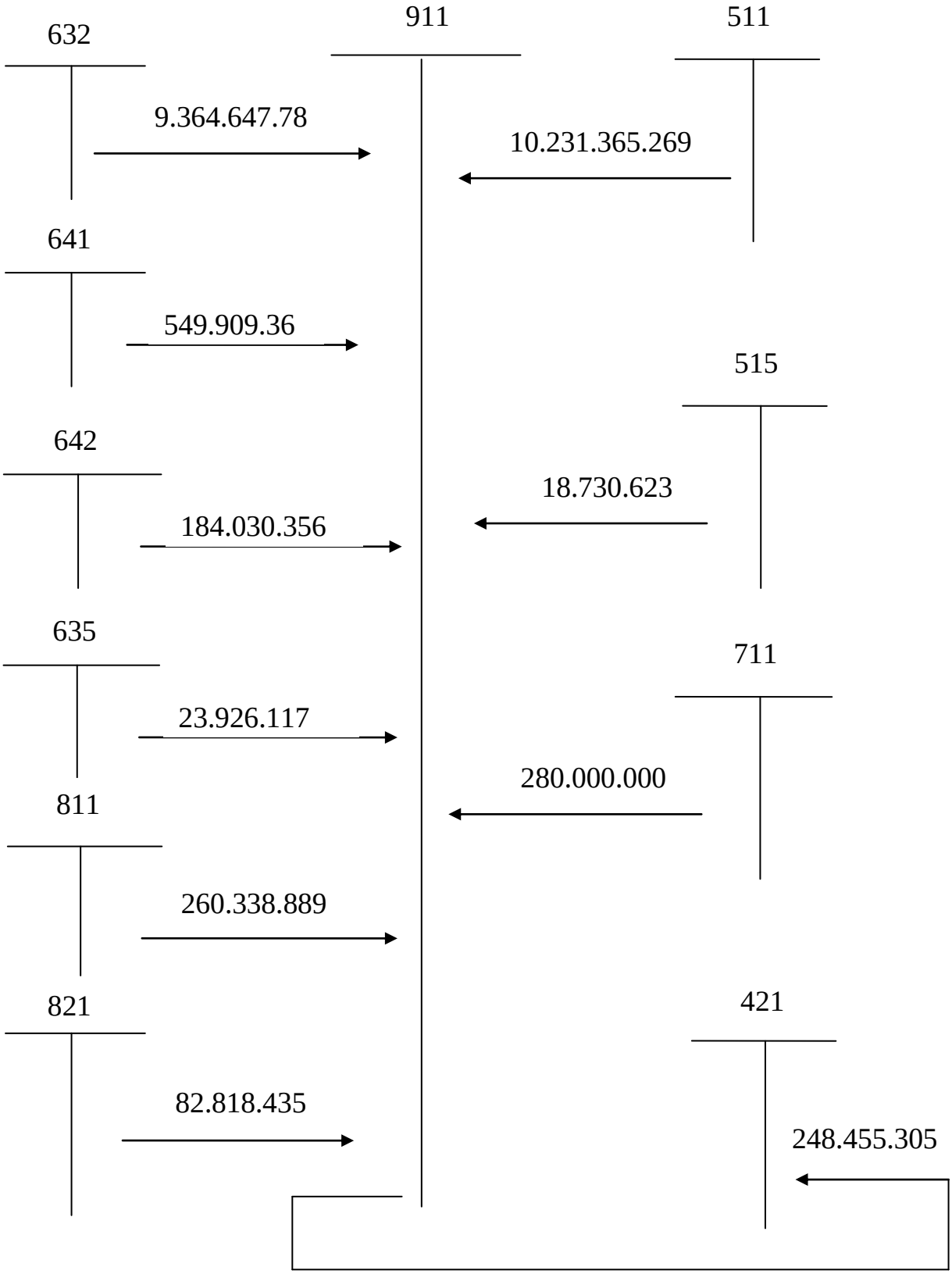

Biểu 40: Sơ đồ kết quả kinh doanh tháng 12 năm 2009 của Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: 01 – TT**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)*

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 126/12

Ngày: 31/12/2009

Nội dung: Cuối tháng xác định kết quả kinh doanh

STT	Diễn giải	TK nợ	TK có	Số tiền
1	K/c từ 511 sang 911	511	911	10.231.365.269
2	K/c từ 515 sang 911	515	911	18.730.623
3	K/c từ 635 sang 911	911	635	23.926.117
4	K/c từ 632 sang 911	911	632	9.364.647.780
5	K/c từ 641 sang 911	911	641	365.879.010
6	K/c từ 642 sang 911	911	642	184.030.356
7	K/c từ 711 sang 911	711	911	280.000.000
8	K/c từ 811 sang 911	911	811	260.338.889
9	K/c chi phí thuế TNDN	911	821	82.818.435
10	K/c LN sau thuế TNDN	911	421	248.455.305
	Cộng			21.060.191.784

Số tiền bằng chữ: Hai mươi mốt tỷ không trăm sáu mươi triệu một trăm chin mươi mốt nghìn bảy trăm tám mươi tư đồng.

Kèm theo: chứng từ gốc

Kế toán trưởng Người lập biểu

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu 41: Phiếu kế toán

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: S03a - DN**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC*

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			…	…
			Phát sinh trong kỳ				
31/12	PK 126/12	31/12	K/c từ 511 sang 911	511		10.231.365.269	
					911		10.231.365.269
			K/c từ 515 sang 911	515		18.730.623	
					911		18.730.623
			K/c từ 635 sang 911	911		23.926.117	
					635		23.926.117
			K/c từ 632 sang 911	911		9.364.647.780	
					632		9.364.647.780
			K/c từ 641 sang 911	911		365.879.010	
					641		365.879.010
			K/c từ 642 sang 911	911		184.030.356	
					642		184.030.356
			K/c từ 711 sang 911	711		280.000.000	
					911		280.000.000
			K/c từ 811 sang 911	911		260.338.889	
					811		260.338.889
			K/c chi phí thuế TNDN	911		82.818.435	
					821		82.818.435
			K/c LN sau thuế TNDN	911		248.455.305	
					421		248.455.305
			Cộng phát sinh			84.200.767.168	84.200.767.168

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Biểu 42: Nhật ký chung

Đơn vị: **Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng** **Mẫu số: S03b - DN**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Lai - Ngô Quyền - HP** *(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC*

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2009

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: TK 911

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
31/12	PK126/12	31/12	K/c từ 511 sang 911	511		10.231.365.269
31/12	PK126/12	31/12	K/c từ 515 sang 911	515		18.730.623
31/12	PK126/12	31/12	K/c từ 635 sang 911	635	23.926.117	
31/12	PK126/12	31/12	K/c từ 632 sang 911	632	9.364.647.780	
31/12	PK126/12	31/12	K/c từ 641 sang 911	641	365.879.010	
31/12	PK126/12	31/12	K/c từ 642 sang 911	642	184.030.356	
31/12	PK126/12	31/12	K/c từ 711 sang 911	711		280.000.000
31/12	PK126/12	31/12	K/c từ 811 sang 911	811	260.338.889	
31/12	PK126/12	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	821	82.818.435	
31/12	PK126/12	31/12	K/c LN sau thuế TNDN	421	248.455.305	
			Cộng phát sinh		10.530.095.892	10.530.095.892
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm2009.

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đống dấu)

Biểu 43: Sổ cái TK 911

CHƯƠNG III

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MATEXIM HẢI PHÒNG.

3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng.

3.1.1. Nhận xét chung

- Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng có bộ máy quản lý khoa học, các phòng ban được phân công công việc một cách cụ thể. Trong cơ chế thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, công ty đã gặp không ít khó khăn nhưng đã phấn đấu vươn lên đảm bảo công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên, phát động phong trào thi đua nhằm phục vụ mặt yếu phát huy những điểm mạnh sẵn có, qua đó tìm được những hướng đi mới phù hợp với quy định phát triển hiện nay.

- Trong công tác kế toán: Công ty luôn đảm bảo đúng nguyên tắc hạch toán kế toán đặc biệt là trong công tác quản lý doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Trong công tác kế toán của công ty việc thực hiện và áp dụng các chế độ kế toán nhà nước được tiến hành triệt để, đúng với yêu cầu và nguyên tắc kế toán đề ra. Tuy nhiên trong quy trình hạch toán cũng không cứng nhắc, dập khuôn và luôn cải tiến cho phù hợp với đặc điểm và điều kiện kinh doanh của công ty dựa trên cơ sở chế độ kế toán hiện hành.

- Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận của quy trình kế toán của công ty. Vì vậy nó không ngừng đổi mới và hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu thông tin của nhà quản lý.

3.1.2. Ưu điểm:

- Một ưu điểm nổi bật trong việc tổ chức lao động kế toán của công ty là công việc kế toán cụ thể được giao cho từng cá nhân phù hợp với (trình độ và mức độ thành thạo công việc) năng lực của từng người. Việc phân công như vậy giúp cho công tác kế toán được chuyên môn hóa cao, tạo được điều kiện cho mỗi người đi sau nâng cao nghiệp vụ của bản thân, phát huy thế mạnh của từng

cá nhân. Kế toán của công ty là người có trách nhiệm trong nghề, có trình độ về kế toán và kiểm toán, có khả năng hướng dẫn chỉ đạo kế toán viên trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, nhờ đó mà các hoạt động của phòng kế toán – tài vụ được thực hiện nhịp nhàng theo đúng chế độ quy định.

- Về hình thức tổ chức công tác kế toán: Công ty đã tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Bộ máy kế toán gồm sáu người được tổ chức phù hợp với quy mô của công ty và được phân công nhiệm vụ rõ rang cho từng người, giữa các phần hành kế toán có sự phối hợp khá chặt chẽ, thống nhất.

- Hình thức sổ kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng là hình thức kế toán Nhật ký chung. Hệ thống sổ sách mà công ty sử dụng tương đối hợp lý. Các báo cáo kế toán được lập và ghi chép theo đúng mẫu biểu do Bộ tài chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của bộ trưởng Bộ tài chính đã giúp cho các nhà quản lý có một cái nhìn sâu sắc và toàn diện về tình hình hoạt động kinh doanh cũng như tình hình tài chính của công ty.

- Nhìn chung tổ chức công tác kế toán của công ty dựa trên căn cứ khoa học đặc điểm tình hình thực tế tại công ty là làm kế toán ghi sổ kết hợp với làm kế toán Excel trên máy vi tính, tránh ghi chép thủ công mất nhiều thời gian, chi phí tốn kém, hơn thế nữa đáp ứng được việc tìm kiếm thông tin nhanh chóng, kịp thời đảm bảo được tính thống nhất về phạm vi, phương pháp kế toán các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận khác liên quan.

- Về phương thức thanh toán: Do hoạt động của công ty là kinh doanh thương mại với hai hình thức bán buôn và bán lẻ hàng hóa, hàng hóa lại vô cùng đa dạng và phong phú. Như vậy ngoài việc thanh toán bằng tiền mặt thì hình thức thanh toán chuyển khoản cũng đem lại rất nhiều thuận lợi hữu ích và phổ biến hơn trong xu thế phát triển hiện nay. Công ty chủ yếu dùng vốn vay ngắn hạn của ngân hàng đối với khối lượng lớn là do công ty làm ăn có hiệu quả tạo được uy tín với ngân hàng,

- Về kế toán xác định kết quả kinh doanh: Trên cơ sở đặc điểm kinh doanh của công ty, kế toán doanh thu, chi phí đã vận dụng linh hoạt lý luận vào

thực tiễn để được đưa ra hệ thống sổ sách ghi chép, xác định một cách chính xác doanh thu, chi phí . Kế toán doanh thu, chi phí bên cạnh việc cung cấp thông tin một cách đầy đủ kịp thời, chính xác cho các cơ quan chức năng: cơ quan thuế, ngân hàng,… còn cung cấp đầy đủ thông tin cho cơ quan lãnh đạo công ty, cho ban giám đốc doanh nghiệp có những quyết định đúng đắn về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, đặt ra chiến lược nắm bắt thị trường kịp thời và hiệu quả.

3.1.3. Hạn chế

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng trong quá trình thực hiện vẫn còn một số tồn tại nhất định:

- Về hình thức sổ kế toán: Vì hiện tại công ty đang áp dụng hình thức Nhật ký chung , công ty làm kế toán thủ công và lập chương trình kế toán trên Excel để hỗ trợ làm việc chứ không dùng phần mềm kế toán chuyên dụng nên việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế là còn chậm và hay sai sót, mất nhiều thời gian, phải lập nhiều sổ, đôi khi đối chiếu còn dẫn đến nhầm lẫn.

- Phương pháp tính giá hàng tồn kho của công ty đang áp dụng là phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Phương pháp này là khá đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối mỗi tháng vì thế giá thực tế hàng xuất kho chỉ được xác định sau khi hết tháng. Tuy nhiên công tác kế toán lại bị dồn vào cuối kỳ là khá nhiều ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Hơn nữa phương pháp này chưa đáp ứng được yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, ảnh hưởng đến việc theo dõi sự biến động của giá hàng xuất bán.

- Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng là một đơn vị kinh doanh thương mại, để tiến hành kinh doanh thì công ty phải tiến hành mua hàng hóa nhập kho rồi mới đem xuất tiêu thụ. Hơn hết mặt hàng chủ yếu của công ty là sắt thép xây dựng và các vật liệu xây dựng khác luôn chịu sự biến động lớn của tình hình giá cả thị trường. Đất nước ta đang trên đà hòa nhập với nền kinh tế thế giới nên việc cạnh tranh về giá cả của hàng hóa càng trở nên gay gắt. Trong năm

có những mặt hàng bị giảm giá mà công ty lại không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Điều này ảnh hưởng khá lớn đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, công ty không tránh khỏi bị ứ đọng hàng khi giá cả xuống thấp hoặc phải chịu thua lỗ trong một thời gian.

- Do đặc điểm kinh doanh của công ty, khi bán hàng giao hàng trước rồi thu tiền hàng sau, do đó số số tiền phải thu là khá lớn. Phát sinh một số khoản nợ khó đòi, không có khả năng đòi được. Tuy nhiên, kế toán công ty không tiến hành trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi, điều này ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh và xác định kết quả kinh doanh.

- Theo như báo cáo kết quả kinh doanh của ba năm gần đây, công ty chưa có hình thức khuyến khích khách hàng mua hàng với số lượng lớn như chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán… Điều này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến chiến lược hoạt động lâu dài và phát triển bền vững mà công ty đã và đang xây dựng.

3.2. Các nguyên tắc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

3.2.1. Yêu cầu của việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh cần thiết phải được hoàn thiện hơn trong cơ chế quản lý kinh tế mới để đáp ứng yêu cầu quản lý trong điều kiện hiện nay giữa sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp ngày càng trở lên gay gắt. Vì vậy mỗi doanh nghiệp phải tìm cho mình một hướng đi đúng, tự hoàn thiện mình để tìm cho mình một chỗ đứng vững chắc trên thị trường.

Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo được những yêu cầu sau:

- Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan dễ hiểu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra.

- Số liệu phải phản ánh một cách kịp thời chính xác. Việc phản ánh số liệu một cách kịp thời, chính xác là điều kiện hết sức quan trọng đối với cơ quan

chức năng:

+ Đối với cơ quan thuế: giúp cho việc tính toán thuế và các khoản phải nộp nhà nước.

+ Đối với ngân hàng: giúp cho việc tính toán lãi tiền vay, tiền gửi và việc thu hồi vốn và lãi

+ Đối với ban lãnh đạo của công ty: giúp ích to lớn trong việc đưa ra phương hướng và kế hoạch cụ thể cho kỳ kinh doanh tiếp theo.

- Số liệu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và công khai, đây là điều kiện đặc biệt quan tâm của cả doanh nghiệp và các đối tác tham gia góp vốn liên doanh.

- Đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả thiết thực, khả thi bất kỳ doanh nghiệp nào dù là tư nhân hay nhà nước đều có chung mong muốn là tiết kiệm được chi phí sản xuất kinh doanh, thu lợi nhuận cao, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện:

Với yêu cầu quản lý kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng dựa trên những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt để đáp ứng nhu cầu quản lý đồng bộ hoạt động kinh tế tài khoản của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước. Nhà nước đã xây dựng và ban hành hệ thống kế toán và chế độ kế toán, đây là những văn bản pháp quy có tính bắt buộc. Bởi vậy khi hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đòi hỏi người quản lý phải xem xét ở mọi khía cạnh cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ kế toán phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh của công ty.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty: mỗi công ty có những đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh doanh, loại hình kinh doanh, trình độ và yêu cầu quản lý. Do vậy việc vận dụng hệ thống chế độ thể lệ tổ chức kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý, sáng tạo

phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện trên cơ sở đáp ứng yêu cầu về thông tin phải nhanh chóng, kịp thời, chính xác và phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó có quyết định đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện phải dựa trên cở sở tiết kiệm và hiệu quả.

3.2.3. Ý nghĩa của việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các đơn vị quản lý chắt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hóa, việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó doanh nghiệp có biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm, nâng cao doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác hợp lý, kích thích người lao động làm việc và thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình hạch toán nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu chính xác, tin cậy giúp cho nhà quản lý đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh sẽ thấy được những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra biện pháp giải quyết kịp thời những khó khăn và phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

3.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng.

- Ý kiến 1: Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán

Hiện nay việc áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý tài chính kế toán là điều mà các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp đang thực sự quan tâm. Sự phát triển vượt bậc của ngành công nghệ thông tin đã thực sự giúp ích rất

nhiều trong mọi hoạt động của nền kinh tế nước ta nói riêng và của toàn xã hội nói chung. Việc áp dụng phần mềm kế toán tại doanh nghiệp thể hiện sự nhanh nhẹn, thích nghi với nền công nghệ hiện đại.

Hiện tại phòng kế toán của công ty đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ công tác kế toán, đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công ty hạch toán. Phần mềm kế toán được ứng dụng sẽ mang lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp. Công ty cũng nên cho nhân viên phòng kế toán đi học để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu khi sử dụng phần mềm kế toán. Với việc thay đổi này sẽ giúp giảm bớt công việc tính toán, công việc được thực hiện liên tục không bị ứ đọng, chậm trễ. Khi đó việc các công việc tính toán, ghi chép diễn ra nhanh, chính xác và tránh được các sai sót. Công tác kế toán sẽ đáp ứng được yêu cầu quản lý tài chính và cung cấp nhanh chóng, kịp thời các thông tin cho nhu cầu quản lý kinh doanh.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc được kế toán thực hiện theo một chương trình phần mềm phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Phần mềm kế toán được thiết kế theo đúng nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán theo quy định. Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào thì sẽ có các loại sổ sách của hình thức kế toán đó.

Ý nghĩa của việc áp dụng phần mềm kế toán vào doanh nghiệp: Phần mềm kế toán giúp cải thiện hiệu năng làm việc của doanh nghiệp cho dù doanh nghiệp đó là nhỏ hay lớn. Ngay cả những phần mềm đơn giản nhất cũng có thể mang lại điều này. Tiết kiệm chi phí, tiết kiệm thời gian và hầu hết các phần mềm kế toán có khả năng phát triển theo tốc độ tăng trưởng của công ty. Với việc thay đổi về nhu cầu quản lý tài chính của công ty, hoàn toàn có thể nâng cấp lên phiên bản tốt hơn hay mở rộng quy mô ứng dụng. Một phần mềm kế toán sẽ giúp bạn tối ưu hóa quy trình kinh doanh của bạn để có thể quản lý một cách đơn giản và dễ dàng hơn và rất dễ dàng để cài đặt một phần mềm kế toán. Hơn nữa hình thức này có thể giúp bạn cải thiện rất nhiều các quyết định trong doanh nghiệp. Điều này có được thông qua việc sử dụng các phần hành khách

nhau của phần mềm. Nó dễ dàng chia sẻ dữ liệu cho các chương trình kinh doanh khác và thực hiện các báo cáo phục vụ cho kinh doanh.

- Ý kiến 2: Công ty nên tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Phương pháp tính giá hàng xuất kho của công ty hiện nay đang áp dụng là phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Đây là phương pháp đơn giản, dễ hiểu nhưng phương pháp này chưa thực sự đảm bảo được tính kịp thời của số liệu kế toán, nhưng không phản ánh được sự biến đổi giá cả kỳ này. Công ty nên thay đổi phương pháp tính giá hàng xuất kho thep phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ liên hoàn (bình quân gia quyền cả kỳ sau mỗi lần nhập). Với phương pháp này tuy khối lượng tính toán tương đối nhiều nhưng với sự hỗ trợ của máy tính, cách làm trên Excel thì việc tính giá hành xuất kho của từng mặt hàng sẽ trở lên dễ dàng và nhanh chóng hơn rất nhiều. Tình hình giá cả trên thị trường biến động như hiện nay đặc biệt trong thời gian này kinh tế nước ta đang dần hội nhập với nền kinh tế thế giới thì tính kịp thời của công tác kế toán là hết sức quan trọng, vì vậy công ty nên tính toán và có những thay đổi phù hợp với cơ chế thị trường với yêu cầu thực tế của hoạt động kinh doanh.

Công thức tính giá vốn hàng xuất kho bình quân sau mỗi lần nhập:

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập i} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau lần nhập i}}{\text{Lượng hàng tồn kho sau lần nhập i}}$$

Việc thay đổi phương pháp tính giá hàng xuất kho cần phải được kế toán nghiên cứu và thực hiện theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Ý nghĩa của việc tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ liên hoàn: khi doanh nghiệp áp dụng phương pháp này sẽ đảm bảo được tính kịp thời của số liệu kế toán, giúp bộ phận theo dõi biến động về giá cả trên thị trường làm việc có hiệu quả hơn, đáp ứng được sự yêu cầu của ban lãnh đạo khi đưa ra các quyết định mua hàng, bán hàng.

- Ý kiến 3: Công ty nên trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm.

Điều kiện trích lập khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

+ Thời điểm lập và hoàn nhập các khoản dự phòng là thời điểm cuối kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc 31/12 hàng năm).

+ Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện đối với từng loại hàng tồn kho.

+ Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên bằng chứng tin cậy.

Phương pháp xác định mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Mức trích lập dự phòng tính theo công thức sau:

Mức dự phòng giảm giá vật tư hàng hóa	=	Lượng vật tư hàng hóa thực tế tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính	x	Giá gốc hàng tồn kho theo sổ kế toán	-	Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho (giá trị dự kiến thu hồi) là giá bán (ước tính) của hàng tồn kho trừ (-) chi phí để hoàn thành sản phẩm và chi phí tiêu thụ (ước tính).

Doanh nghiệp phải trích lập khoản dự phòng vào chi phí hoạt động kinh doanh năm báo cáo. Doanh nghiệp phải xây dựng cơ chế về quản lý vật tư, hàng hóa để hạn chế các rủi ro trong kinh doanh. Đối với hàng hóa công ty phải xác định rõ trách nhiệm của từng bộ phận, từng người trong việc theo dõi, quản lý hàng hóa. Công ty phải lập Hội đồng để thẩm định mức trích lập khoản dự phòng và xử lý tổn thất thực tế của vật tư hàng hóa tồn kho.

Tài khoản sử dụng: TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Phương pháp hạch toán:

- Tại ngày 31/12/N trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên cho năm N+1

Nợ TK 632

Có TK 159

- Trong kỳ kế toán năm N+1, khi phát sinh tổn thất thực tế về hàng tồn kho như hết hạn sử dụng, hư hỏng,… phải huỷ bỏ. Căn cứ biên bản xử lý kế toán ghi

Nợ TK 159

Nợ TK 632

Có TK 152, 155, 156

- Tại ngày 31/12/N+1 thời điểm khoá sổ lập báo cáo tài chính

+ Nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập bằng số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện còn thì doanh nghiệp không phải trích lập thêm.

+ Nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập lớn hơn số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện còn thì doanh nghiệp phải trích lập thêm bằng số chênh lệch đó.

Nợ TK 632

Có TK 159

+ Nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập nhỏ hơn số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện còn thì doanh nghiệp không phải hoàn nhập số chênh lệch đó.

Nợ TK 159

Có TK 632

- Cuối kỳ kế toán năm tiếp theo (31/12/N+2), tiến hành trích lập thêm hay hoàn nhập tương tự năm N+1.

Chú ý:

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thu hồi được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

- Việc đánh giá giá trị thuần là một công việc ước tính đòi hỏi nhà quản lý phải biết lựa chọn đánh giá chính xác và có chọn lọc sao cho giá trị ước tính phải hợp lý, xác thực.

- Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải đảm bảo tuân theo đúng

quy định của Nhà nước thì mới được coi là hợp lý (Thông tư 12/2006/TT-BTC Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng).

Ý nghĩa của việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: giúp cho công ty có nguồn tài chính để bù đắp tổn thất có thể xảy ra trong năm kế hoạch, nhằm bảo toàn vốn kinh doanh; đảm bảo cho công ty phản ánh giá trị vật tư hàng hóa tồn kho; đồng thời phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho của công ty khi lập báo cáo tài chính vào cuối niên độ kế toán.

- Ý kiến 4: Công ty nên trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Các khoản nợ phải thu khó đòi đảm bảo các điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng..) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Phương pháp lập dự phòng:

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết… thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Tài khoản sử dụng: TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

- Phương pháp hạch toán:

- Tại ngày 31/12/N trích lập dự phòng phải thu khó đòi lần đầu năm N+1

Nợ TK 642

Có TK 139

- Trong năm N+1, khi phát sinh tổn thất thực tế, căn cứ vào quyết định cho phép xóa sổ khoản nợ phải thu kho đòi, kế toán ghi:

Nợ TK 139

Nợ TK 642

Có TK 131,138,…

Đồng thời ghi Nợ TK 004

Các khoản nợ phải thu khó đòi, sau khi có quyết định xử lý xóa sổ. doanh nghiệp vẫn phải theo dõi riêng trên sổ kế toán và trên TK 004 trong thời gian tối thiểu là 5 năm, và tiếp tục có các biện pháp thu hồi nợ.

- Tại ngày 31/12/N+1

+ Nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư dự phòng nợ phải thu khó, thì doanh nghiệp không phải trích lập;

+ Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải trích thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phần chênh lệch;

+ Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch vào thu nhập khác.

Ý nghĩa của việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi: giúp công ty đánh giá được khả năng thanh toán của khách hàng, đảm bảo sự phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ, giúp cho tình hình tài chính của công ty ổn định.

- Ý kiến 5: Công ty nên áp dụng các chính sách nhằm khuyến khích các khách hàng mua hàng với số lượng lớn hoặc các khách hàng đã thanh toán tiền hàng trước hạn.

Là một công ty có uy tín trên thị trường, thường xuyên có các hợp đồng giá trị lớn, công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng đang không ngừng phát triển. Tuy nhiên, trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt, nhiều bất ổn, giá cả mặt hàng không ngừng biến động, vì vậy để tồn tại và phát triển vững mạnh thì công ty nên có những chính sách giảm giá, chiết khấu cho những khách hàng lớn, quen thuộc, khách hàng mua hàng với số lượng lớn.

- Với mặt hàng sắt thép xây dựng: khách hàng của công ty thường là những khách hàng lớn, quen thuộc nên chính sách chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán áp dụng là phù hợp. Tùy theo giá trị của lô hàng, công ty có thể áp dụng mức chiết khấu trên giá trị lô hàng hoặc % giảm giá hàng bán cho phù hợp.

- Ngoài ra, trong nhiệm vụ vận chuyển thường xuyên xảy ra rủi ro như giao hàng chậm, tai nạn giao thông, do kỹ thuật, do ý thức của lái xe,… vì vậy khi có thông báo xảy ra rủi ro của khách hàng, công ty nên cử người kiểm tra, nếu đúng là trách nhiệm thuộc về công ty thì công ty nên chấp nhận giảm giá hàng bán cho khách hàng khi có yêu cầu để đảm bảo uy tín, chất lượng hàng hóa, dịch vụ của công ty.

- Với dịch vụ cho thuê kho bãi: chính sách giảm giá cho thuê là phù hợp nhằm khuyến khích khách hàng thuê kho với thời gian dài.

Áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Hiện nay công ty có một số khách hàng lâu năm, giá trị dịch vụ cung cấp khá lớn. Trong đó có một vài khách hàng thường xuyên thanh toán chậm. Công ty nên đưa ra các phương thức khuyến khích khách hàng thanh toán sớm trước thời hạn để bổ sung nguồn vốn kinh doanh của công ty, hạn chế bớt các khoản đi vay. Ví dụ chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán ngay hoặc thanh toán trước thời hạn thỏa thuận ban đầu, áp dụng cả với khách hàng thanh toán một nửa hóa đơn giá trị gia tăng bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng.

Công ty nên xây dựng mức chiết khấu theo thời gian thanh toán cho khách hàng dựa trên nhiều yếu tố như:

- Số tiền mua hàng phát sinh.
- Thời gian thanh toán tiền hàng.
- Lãi cho vay của ngân hàng.

Công ty có thể hạch toán chiết khấu thương mại cho người mua như sau:

Nợ TK 635:

Có TK 111, 112:

Ý nghĩa của việc áp dụng các chính sách trên sẽ đem lại hiệu quả về kinh doanh, mang lại uy tín và thể hiện được sự phát triển vững mạnh của công ty trên mọi phương diện.

KẾT LUẬN

Trong môi trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, để có thể tồn tại và phát triển các doanh nghiệp phải nỗ lực hơn nữa bằng chính năng lực của mình. Muốn đạt được điều này thì công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng càng phải được củng cố và hoàn thiện hơn nữa để công tác này thực sự trở thanh công cụ quản lý tài chính, kinh doanh của doanh nghiệp.

Khóa luận "Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng" đã nêu ra các vấn đề cơ bản sau:

- Về mặt lý luận: Khóa luận nêu được một số vấn đề cơ bản về tổ chức doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Về thực tiễn: Khóa luận phản ánh đầy đủ thực trang tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng, đồng thời sử dụng số liệu của tháng năm 2009 để chứng minh cho các lập luận nêu trên.

- Về kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty, từ thực tế nắm bắt được đối chiếu với lý luận đã học và qua tìm hiểu nghiên cứu tài liệu đã nêu ra một số ý kiến về hoàn thiện công tác quản lý sản xuất kinh doanh và hoàn thiện công tác hạch toán nói chung và hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Trong thời gian thực tập cà quá trình học hỏi, nghiên cứu để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp, em đã nhận được sự giúp đỡ, chỉ bảo của các cô chú, anh chị trong bộ phận kế toán và ban lãnh đạo của Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng, đặc biệt với sự hướng dẫn tận tình của Th.s Nguyễn Văn Thụ. Tuy nhiên do thời gian và trình độ còn hạn chế nên khóa luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong được sự góp ý của các thày cô.

Một lần nữa em xin chân thanh cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 20 tháng 6 năm 2010

Sinh viên

Đào Thị Huyền Trang

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU 1

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP 2

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. 2

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. 2

1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. 3

1.1.3. Nhiệm vụ, yêu cầu của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. 4

1.2. Một số khái niệm thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh. 5

1.2.1. Doanh thu và các loại doanh thu 5

1.2.2. Chi phí và các loại chi phí: 6

1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh: 7

1.3. Bán hàng và các phương pháp bán hàng trong doanh nghiệp. 7

1.4. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. 8

1.4.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ. 8

1.4.2. Kế toán các khoản chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh 17

1.4.3. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính. 25

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác. 29

1.4.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh. 33

1.5. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. 36

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN MATEXIM HẢI PHÒNG 38

2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng..... 38

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng. 38

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng… 39

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng…. 40

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng..... 43

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng..... 47

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng..... 47

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán 67

2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. 76

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác. 92

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:..... 98

CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MATEXIM HẢI PHÒNG. 103

3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng. 103

3.1.1. Nhận xét chung..... 103

3.1.2. Ưu điểm:..... 103

3.1.3. Hạn chế 105

3.2. Các nguyên tắc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. 106

3.2.1. Yêu cầu của việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết

quả kinh doanh. 106

3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện: 107

3.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng.. 108

KẾT LUẬN 117